

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên:**

**Phạm Thị Kim Anh**

**Giảng viên hướng dẫn:**

**Ths. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Kim Anh**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Kim Anh

Mã SV: 1512401079

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - ✓ Tìm hiểu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;
  - ✓ Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
  - ✓ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - ✓ Suru tâm, lựa chọn số liệu tài liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt.
  - ✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt, sử dụng số liệu năm 2018.

.....
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - ✓ **Công ty CP Việt.**

.....

.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 27 tháng 09 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Phạm Thị Kim Anh**

**ThS. Lê Thị Nam Phương**

***Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2019***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: ***Th.S Lê Thị Nam Phương***  
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh  
Họ và tên sinh viên: **Phạm Thị Kim Anh- QT1903K**; Chuyên ngành: KT - KT  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt  
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- ✓ Có cố gắng sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Luôn hoàn thành tiến độ đã qui định;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2019.*  
**Giảng viên hướng dẫn**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	2
1.1.1. Khái quát về doanh thu. ....	2
1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.....	2
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.4. Phân loại doanh thu.....	4
1.2. Lý luận chung về chi phí.....	13
1.2.1 . Khái niệm về chi phí .....	13
1.2.1. Các loại chi phí. ....	14
1.2.2.1.Kế toán chi phí giá vốn bán hàng.....	14
1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính. ....	19
1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....	21
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	24
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	29
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT</b> .....	31
2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Việt.....	31
2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Việt.....	31
2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động: .	32
2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty Cổ phần Việt: .....	35
2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.....	35
2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán, chế độ, các chính sách kế toán áp dụng tại công ty .....	38

2.2.	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt.....	39
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP Việt..	39
2.2.1.1.	Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP Việt. .....	39
2.2.1.2.	Chứng từ kế toán sử dụng. ....	39
2.2.1.3.	Sổ sách sử dụng.....	40
2.2.1.4.	Tài khoản sử dụng .....	40
2.2.1.5.	Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.....	40
2.2.3.	Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Việt.....	52
2.2.3.1.	Chứng từ kế toán sử dụng. ....	52
2.2.3.2.	Sổ sách sử dụng.....	52
2.2.3.3.	Quy trình hạch toán.....	52
2.2.3.4.	Phương pháp hạch toán. ....	52
2.2.4.	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	57
2.2.4.1.	Chứng từ sử dụng. ....	57
2.2.4.2.	Tài khoản sử dụng .....	57
2.2.4.3.	Quy trình hạch toán .....	57
2.2.5.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt.....	65
2.2.5.1.	Chứng từ sử dụng. ....	65
2.2.5.2.	Tài khoản sử dụng .....	65
2.2.5.3.	Sổ sách sử dụng.....	65
	<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT.....</b>	<b>77</b>
3.1	Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt.....	77
3.1.1	Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt.....	77
3.1.2.	Những tồn tại trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt. ....	78
3.2.	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt.....	79



3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn bán hàng.....	79
3.2.2 Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng. ....	82
3.2.3. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.....	86
3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt. ....	89
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>90</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>91</b>

## DANH MỤC HỆ THỐNG SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ	6
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
Sơ đồ 1.3	Sơ đồ trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.4	Sơ đồ trình tự kết toán thu nhập khác	13
Sơ đồ 1.5	Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng ( Theo phương pháp hạch toán kê khai thường xuyên)	18
Sơ đồ 1.6	Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng ( Theo phương pháp hạch toán kiểm kê định kỳ)	19
Sơ đồ 1.7	Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	21
Sơ đồ 1.8	Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	23
Sơ đồ 1.9	Sơ đồ hạch toán chi phí khác	25
Sơ đồ 1.10	Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
Sơ đồ 1.11	Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28
Sơ đồ 1.12	Sơ đồ hạch toán lợi nhuận chưa phân phối	29
Sơ đồ 1.13	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	31
Sơ đồ 2.1	Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt	34
Sơ đồ 2.2	Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Việt....	36
Sơ đồ 2.3	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	40
Sơ đồ 2.4	Quy trình luân chuyển chứng từ công tác kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần Việt	43
Sơ đồ 2.5	Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Việt	50
Sơ đồ 2.6	Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Việt	54
Sơ đồ 2.7	Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần Việt	59
Sơ đồ 2.8	Quy trình ghi sổ kế toán kết quả kinh doanh xác định k tại công ty cổ phần Việt	68

## DANH MỤC HỆ THỐNG BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1	<b>HD GTGT số 0000188</b> ( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt )	44
Biểu số 2.2	<b>Giấy báo có</b> (Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Việt)	45
Biểu số 2.3	<b>HD GTGT số 0000193</b> ( Nguồn : Phòng kế toán công ty CP Việt )	46
Biểu số 2.4	<b>Phiếu thu 0000137</b> ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)..	47
Biểu số 2.5	<b>Sổ nhật ký chung</b>	48
Biểu số 2.6	<b>Sổ cái TK 511</b>	49
Biểu số 2.7	<b>Giấy báo có 927</b> (Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty CP Việt)	51
Biểu số 2.8	<b>Sổ nhật ký chung</b>	52
Biểu số 2.9	<b>Sổ cái TK 515</b>	53
Biểu số 2.10	<b>Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho 000585</b> ( Nguồn : Phòng kế toán Công ty cổ phần Việt)	56
Biểu số 2.11	<b>Sổ nhật ký chung</b>	57
Biểu số 2.12	<b>Sổ cái TK 632</b>	58
Biểu số 2.13	<b>Hóa đơn 0063276</b> ( Nguồn kế toán : Phòng kế toán công ty CP Việt	61
Biểu số 2.14	Phiếu chi 0000487 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)	62
Biểu số 2.15	<b>Hóa đơn GTGT 0013653</b> ( Nguồn : Phòng kế toán tại Công ty CP Việt)	63
Biểu số 2.16	<b>Phiếu chi 0000493</b> ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)	64
Biểu số 2.17	<b>Sổ nhật ký chung</b>	65
Biểu số 2.18	<b>Sổ cái TK 642</b>	66
Biểu số 2.19	<b>Phiếu kế toán 00120</b>	69
Biểu số 2.20	<b>Phiếu kế toán 00121</b>	70
Biểu số 2.21	<b>Phiếu kế toán 00122</b>	71
Biểu số 2.22	<b>Phiếu kế toán 00123</b>	72
Biểu số 2.23	<b>Phiếu kế toán 00124</b>	73
Biểu số 2.24	<b>Sổ nhật ký chung</b> ( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)	74
Biểu số 2.25	<b>Trích số cái tài khoản 911</b>	75

Biểu số 2.26	<b>Sổ cái 821</b>	76
Biểu số 2.27	<b>Trích sổ cái 421</b>	77
Biểu số 2.28	<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	78
Biểu số 3.1	<b>Sổ chi tiết bán hàng</b>	82
Biểu số 3.2	<b>Phiếu chi 0000495</b> ( <i>Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt</i> )	87

## LỜI MỞ ĐẦU

Kể từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường đã tạo ra rất nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Sự xuất hiện của hàng loạt các doanh nghiệp mới, cùng với việc mở rộng sản xuất, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hiện tại đã tạo nên một thương trường cạnh tranh gay gắt. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn nhận thức, đánh giá được tiềm năng của doanh nghiệp mình trên thị trường để có thể tồn tại và phát triển. Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp đang phát triển có khả năng phát triển hay đứng trước nguy cơ phá sản? Chính là sự biểu hiện thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được. Vì vậy, Kế toán là một phần quan trọng trong cấu thành doanh nghiệp. Trong đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là 1 khâu cơ bản trong công tác kế toán cho nhà quản lý, là cơ sở quan trọng để nhà lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra các quyết định bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đã đạt được từ đó giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp. Nhận thức được tầm quan trọng trên, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Việt em đã chọn đề tài: ***"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt"*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương cụ thể như sau:

***Chương 1:*** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

***Chương 2:*** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt.

***Chương 3:*** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Việt.

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

##### **1.1.1. Khái quát về doanh thu.**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

• Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi hàng hóa được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Với hình thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán hàng đã chuyển hàng tới địa điểm mua; bên bán đã thu tiền hàng hoặc bên mua đã nhận nợ.
- Với phương thức bán hàng đại lý kí gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

• Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng khi thỏa mãn :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

##### **1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.**

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ( bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế XNK)
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thôn gbaso hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.
- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:

- Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.
- Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành ( sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

- Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.
- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi ( chưa được xác nhận là tiêu thụ)
- Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Ghi chép, theo dõi kịp thời, phản ánh chính xác, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ghi chép đầy đủ, phản ánh chính xác kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp.
- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí.
- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn.
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **1.1.4. Phân loại doanh thu.**

#### **1.1.4.1. *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

a. Khái niệm: Là toàn bộ số tiền doanh thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài bán ( nếu có).

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.



Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi, hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán ( Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm thu, Giấy báo có của ngân hàng...)
- Tờ khai thuế GTGT
- Chứng từ liên quan khác : Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ....

c. Tài khoản sử dụng : TK 511 –“ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm :

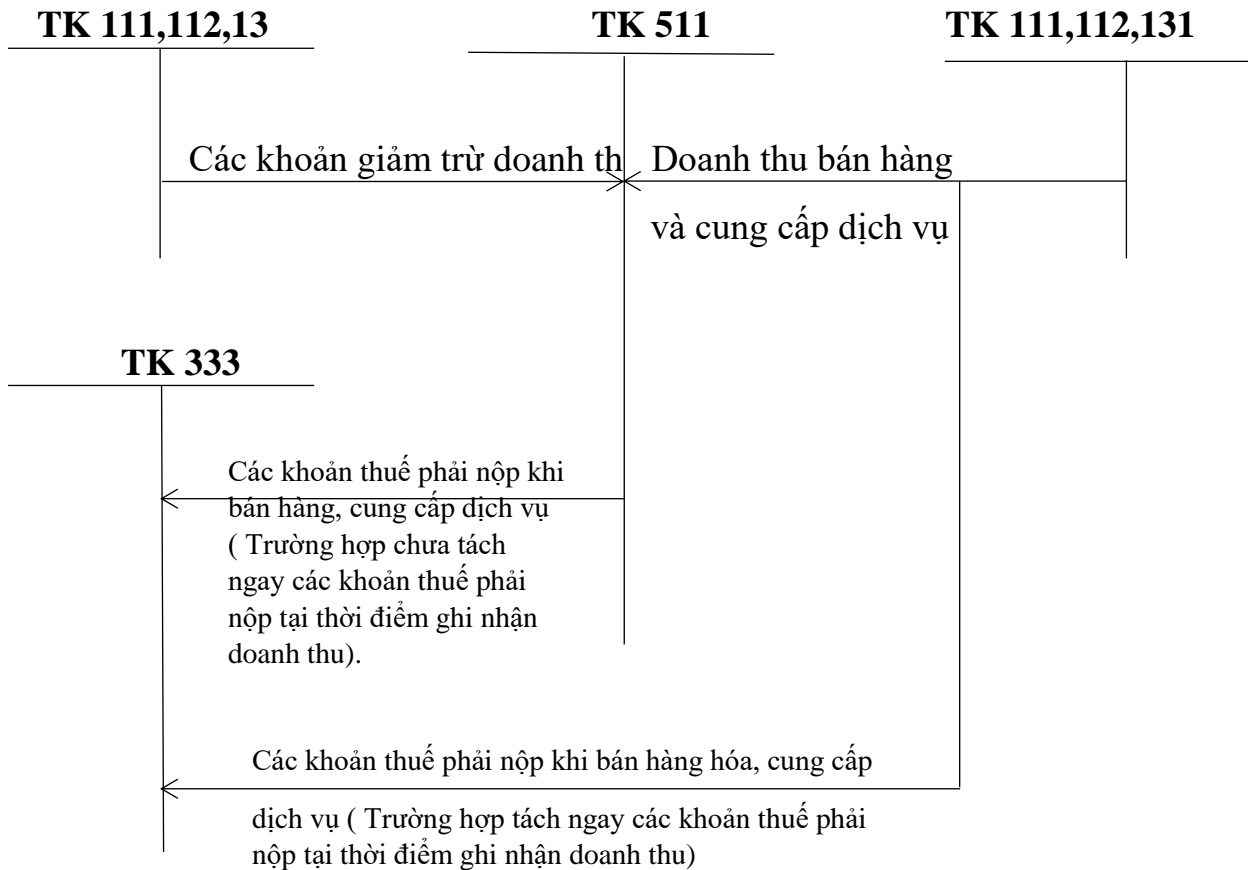
- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 – Doanh thu khác.

**+ Kết cấu tài khoản 511:**

Nợ	TK 511	Có
-Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. -Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp -Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán và CKTM kết chuyển cuối kỳ -Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.		- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

( TK 511 không có số dư cuối kỳ)

Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.**

1.1.4.2. *Doanh thu hoạt động tài chính:*

a.Khái niệm: Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:
  - Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:
  - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
  - Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
  - Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

b.Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng:

- Giấy báo lãi, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng.
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.

c.Tài khoản sử dụng : TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này được dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

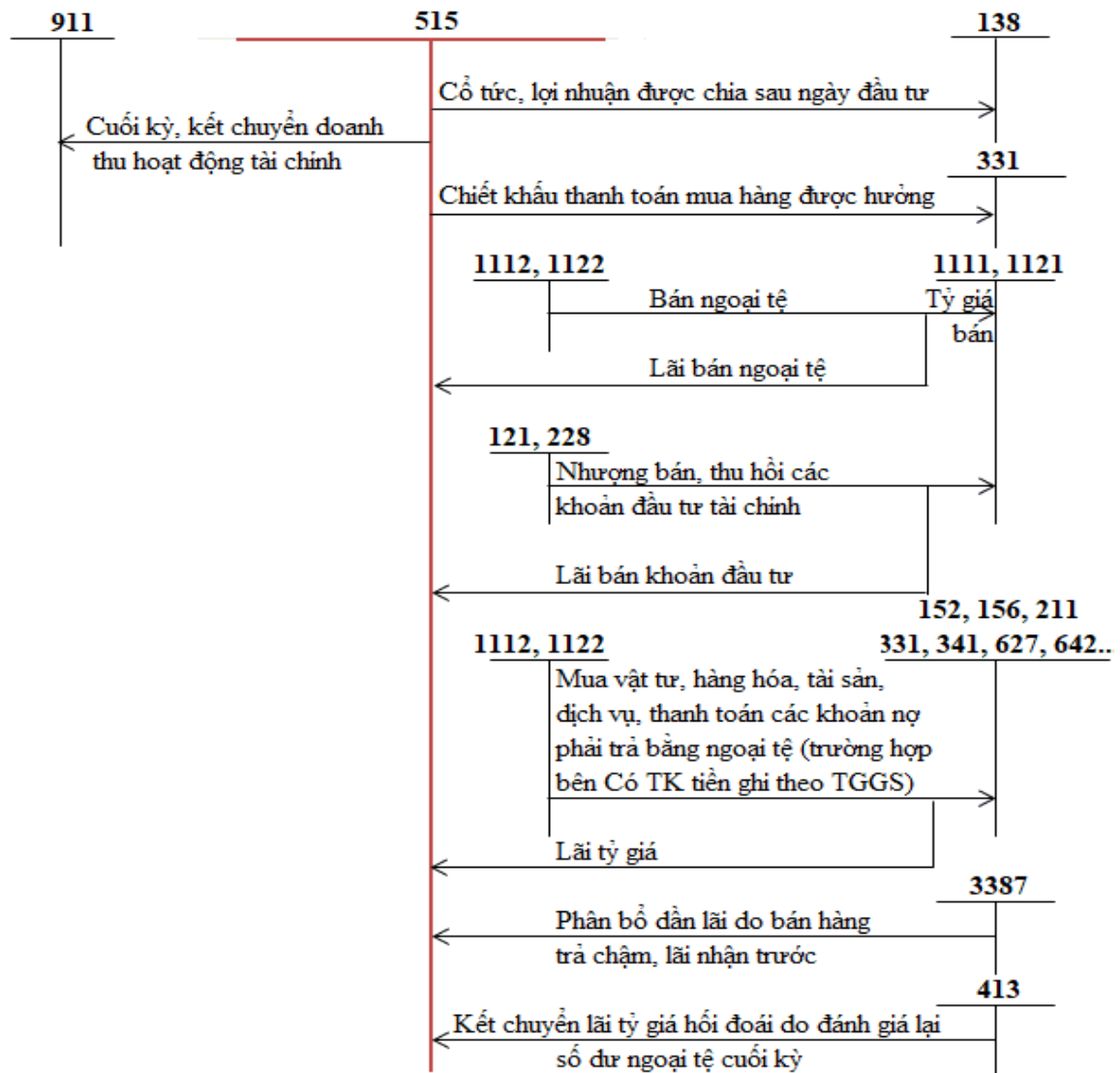
- Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

**+Kết cấu TK 515:**

<b>Nợ</b>	<b>TK 515</b>
<b>Có</b>  -Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp  -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết. - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá đối hoái phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

( TK 515 không có số dư cuối kỳ)



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.4.3. Các khoản giảm trừ doanh thu:

a.Khái niệm: Là các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kì kế toán.

- Chiết khấu thương mại : là khoản tiền đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

-Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém chất lượng, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

**b.Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng :**

-Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.

-Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán

-Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại.

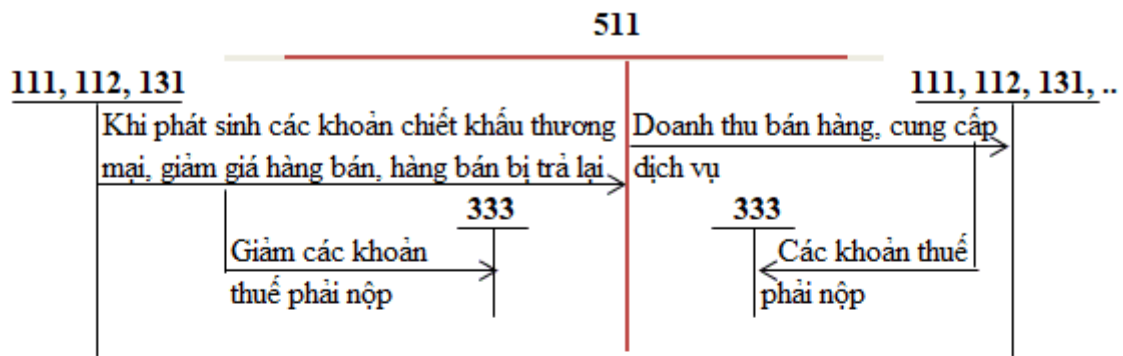
-Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán....

-Các chứng từ liên quan như : Phiếu nhập kho hàng hóa bán bị trả lại....

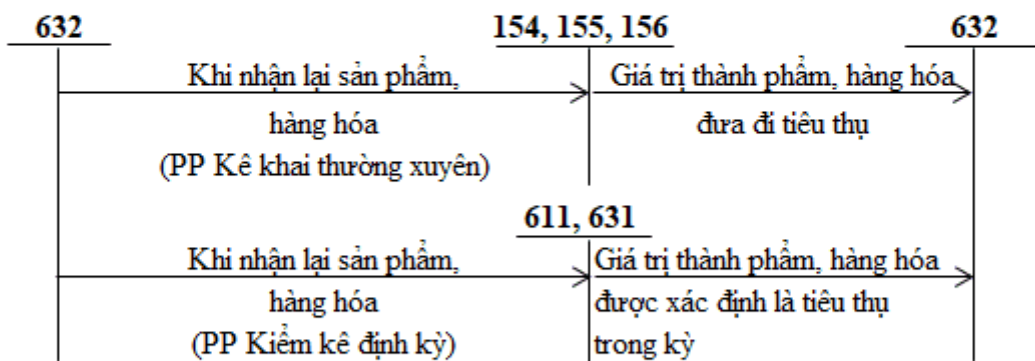
**c.Tài khoản sử dụng :** TK 511 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

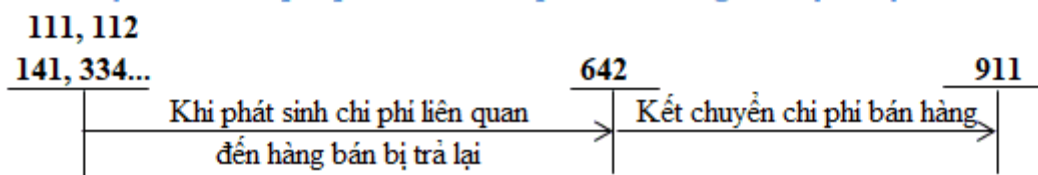
**Phương pháp hạch toán :**



*Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa*



*Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại*



**Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Nợ TK 511 : Phần chiết khấu thương mại/ Giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại cho khách chưa bao gồm thuế GTGT.

Nợ TK 3331: Phần thuế GTGT trên giá trị hàng chiết khấu/Giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại cho khách

Có TK 111,112,131 : Tổng giá trị chiết khấu/ Giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại cho khách.

\*Lưu ý:

- Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại được trừ trực tiếp vào giá bán trên hóa đơn thì không phải ghi nợ TK 511.

- Chỉ khi các khoản giảm trừ chưa thể hiện giảm giá trên hóa đơn (xuất riêng hóa đơn giảm giá), hàng bán bị trả lại thì mới được ghi giảm doanh thu bán hàng.

1.1.4.4. *Thu nhập khác*

a. Khái niệm : Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Theo chuẩn mực kế toán 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kì trước;
- Các khoản thu khác...

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định,
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan.....

c. Tài khoản sử dụng : Tài khoản 711 – “Thu nhập khác”

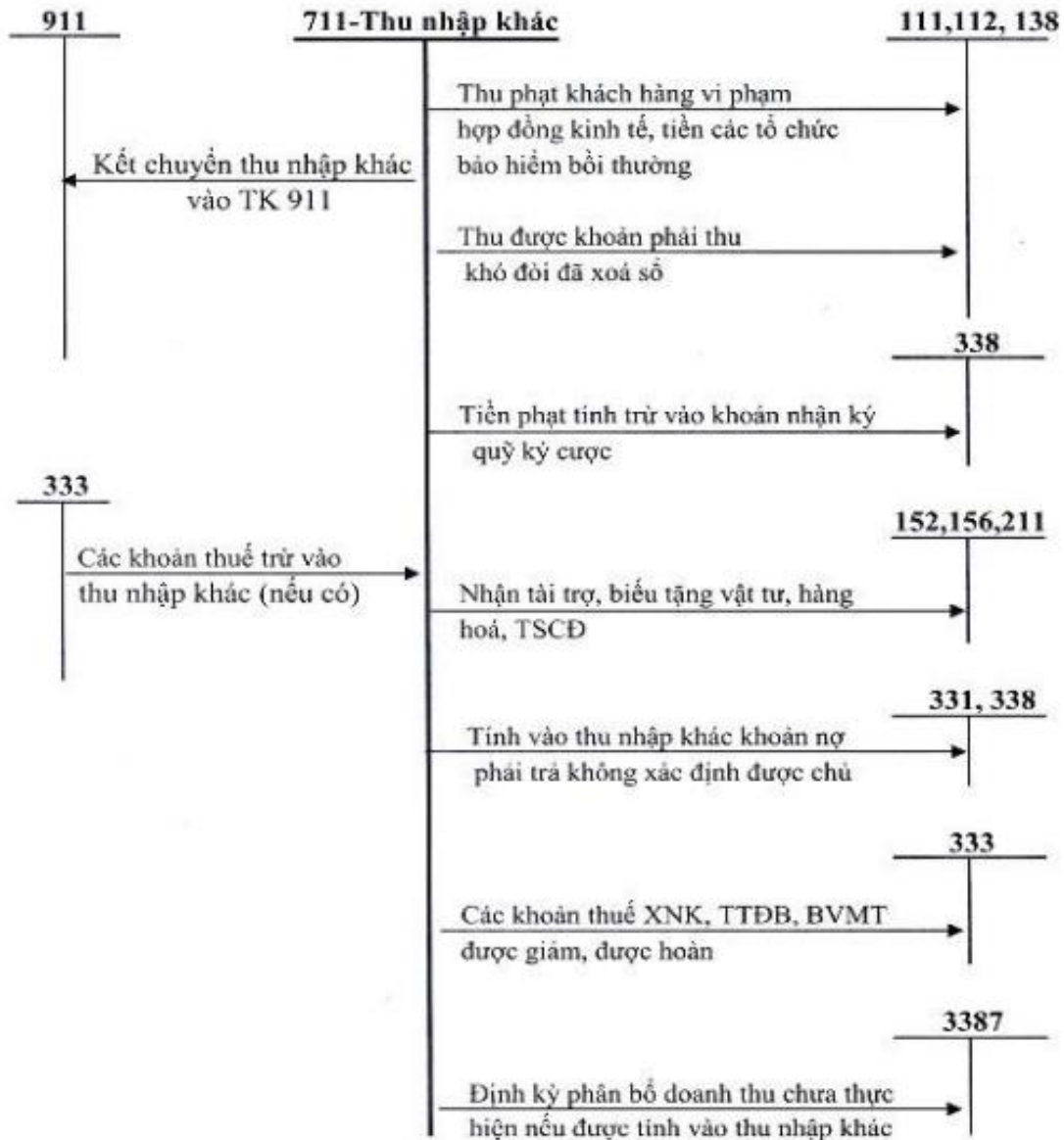
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của công ty. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kì.

**+ Kết cấu TK 711**

Nợ	TK 711	Có
-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp  -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

( TK 711 không có số dư cuối kỳ)





Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ trình tự kết toán thu nhập khác

## 1.2. Lý luận chung về chi phí.

### 1.2.1 . Khái niệm về chi phí

Chi phí là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình.

- Chi phí trong Công ty thương mại bao gồm :
- Giá vốn hàng bán
- Chi phí quản lý kinh doanh ( Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)
- Chi phí hoạt động tài chính

- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Giá vốn bán hàng

- Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị xuất kho của Công ty.

#### Chi phí hoạt động tài chính

- Là các khoản chi phí phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

#### Chi phí quản lý kinh doanh

- Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ.
- Chi phí quản lý Công ty là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý.

#### Chi phí hoạt động khác

- Là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty như: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

#### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Là số thuế thu nhập Công ty phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập Công ty hiện hành.

### 1.2.1. Các loại chi phí.

#### 1.2.2.1. Kế toán chi phí giá vốn bán hàng

##### a. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Trong thực tế của giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn

phương pháp nào cho phù hợp, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”:

- ❖ Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)
- ❖ Phương pháp thực tế đích danh.
- ❖ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kì.

\*Trị giá hàng xuất kho được tính theo công thức chung như sau :

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng xuất kho}$$

\*Cụ thể với từng phương pháp như sau :

❖ **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).**

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh,**

Theo phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền.**

- Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế của HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

- Bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn):

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

**b.Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT), phiếu chi.
- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan....

**c.Tài khoản sử dụng: TK 632 – “Giá vốn hàng bán”**

Tài khoản này phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí

liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động.

**+ Kết cấu tài khoản 632**

Đối với doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>-Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li><li>-Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li><li>-Các khoản hao hụt, mất mát của HTK sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li><li>-Số trích lập dự phòng giảm giá HTK</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>-Kết chuyển giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”.</li><li>-Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.</li><li>-Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li></ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

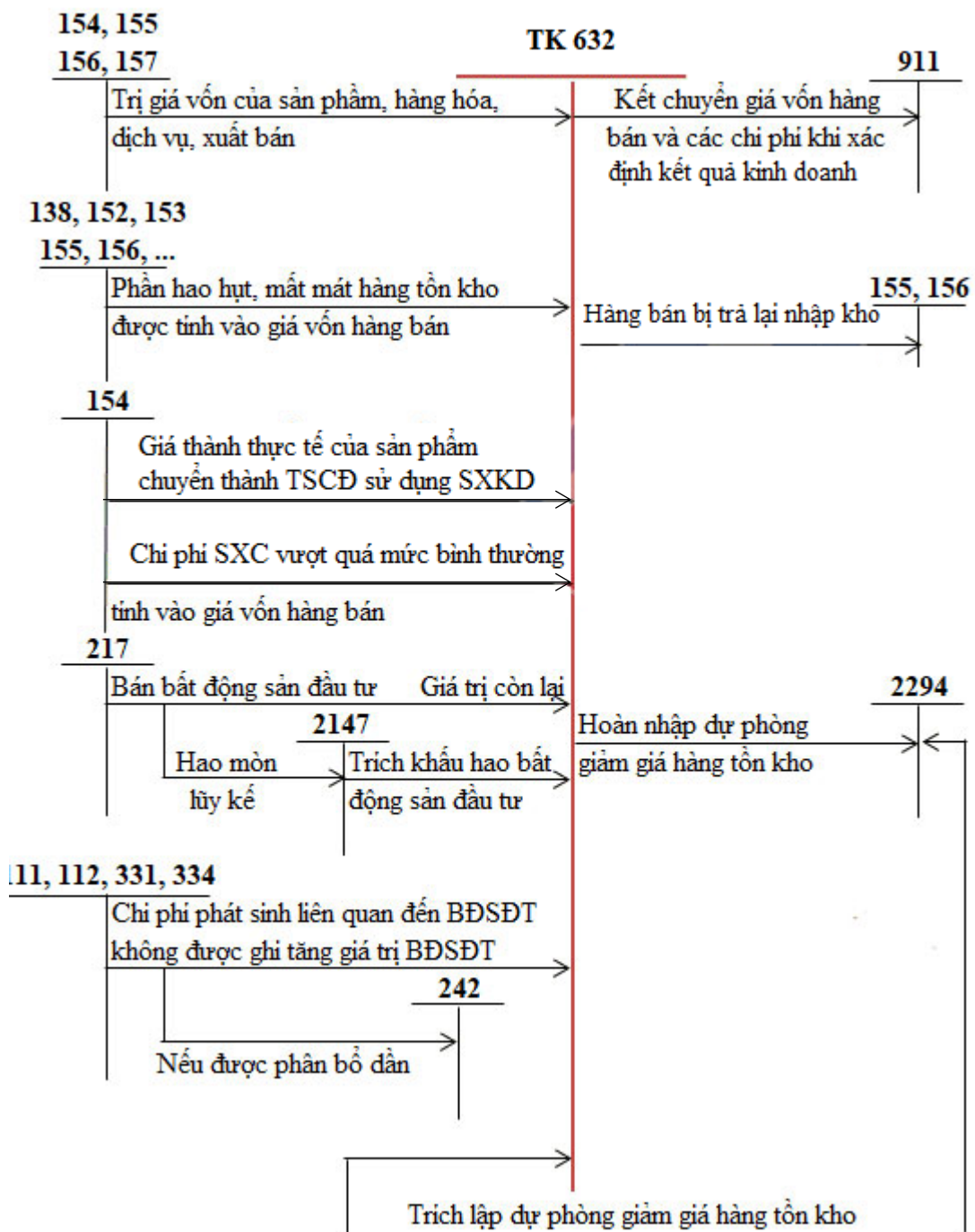
( TK 632 không có số dư cuối kỳ)

Đối với doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;</li> <li>-Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ;</li> <li>-Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành;</li> <li>-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.</li> <li>-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.</li> <li>-Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.</li> <li>-Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li> <li>-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

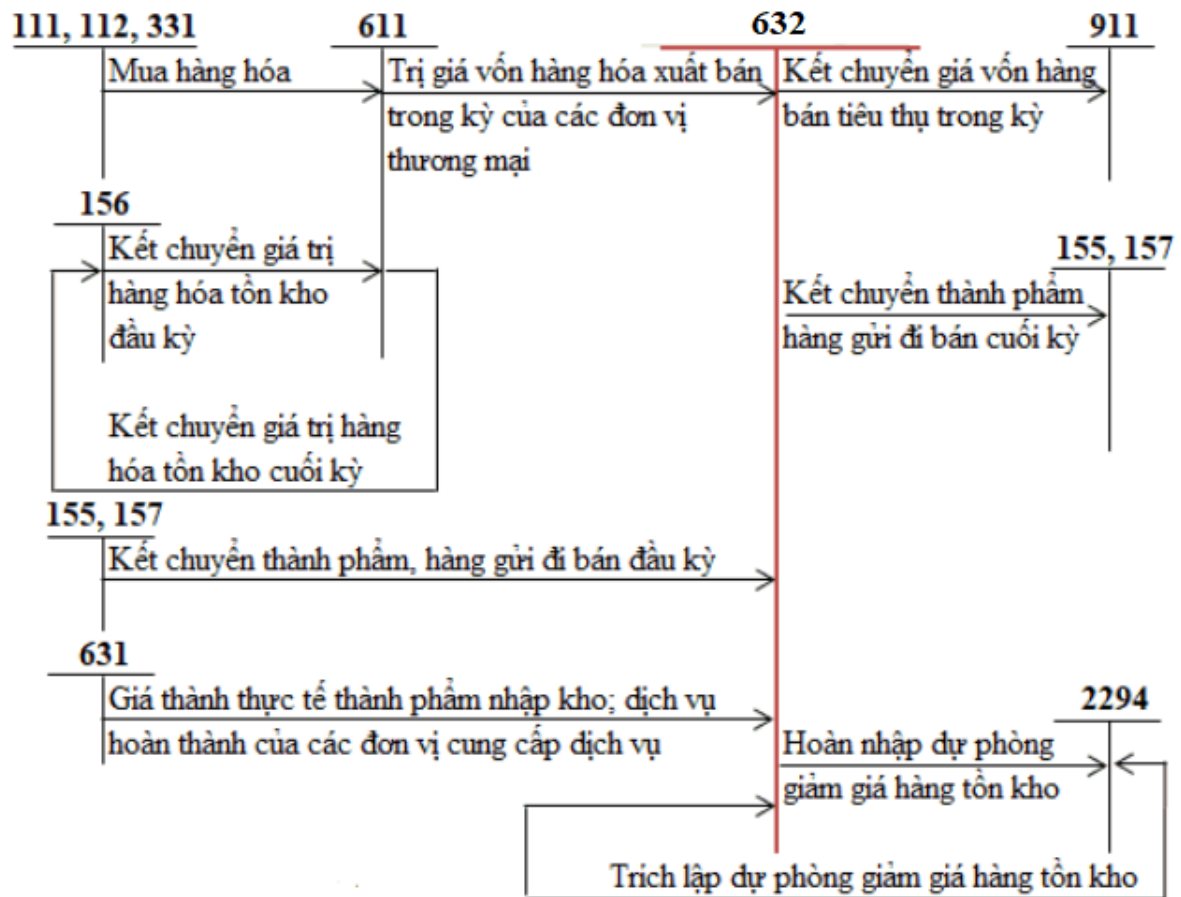
( TK 632 không có số dư cuối kỳ)

Phương pháp hạch toán.



**Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng**

( Theo phương pháp hạch toán kê khai thường xuyên)



### Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng

( Theo phương pháp hạch toán kiểm kê định kỳ)

#### 1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

##### a. Khái niệm:

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái.

##### b. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng

- Giấy báo lãi, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.

##### c. Tài khoản sử dụng : TK 635 – “Chi phí tài chính”.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

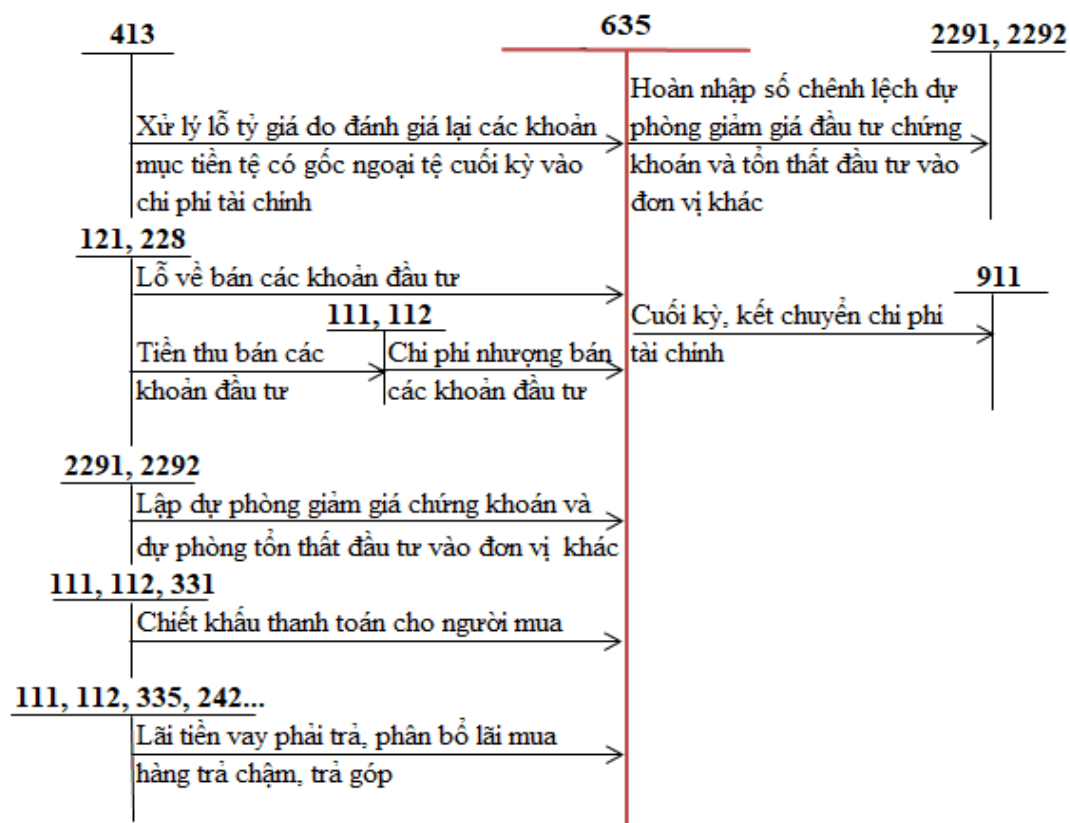
**+ Kết cấu tài khoản 635.**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>-Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính,</li> <li>-Lỗ bán ngoại tệ.</li> <li>-Chiết khấu thanh toán cho người mua.</li> <li>-Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán khoản đầu tư.</li> <li>-Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính.</li> <li>-Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiêu.</li> <li>-Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

( TK 635 không có số dư cuối kỳ)



Phương pháp hạch toán :



### Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

#### 1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

##### a. Khái niệm:

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh gồm có chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp :

- ❖ Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như : chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, BH tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, dịch vụ mua ngoài ( điện, nước, điện thoại,...) chi phí bằng tiền khác.
- ❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như : chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho

quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, khoản lập dự phòng, phải thu khó đòi, chi phí bằng tiền khác ( tiếp khách, hội nghị khách hàng....)

**b. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.**

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

**c. Tài khoản sử dụng: TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”**

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2 : TK 6421 – “ Chi phí bán hàng”

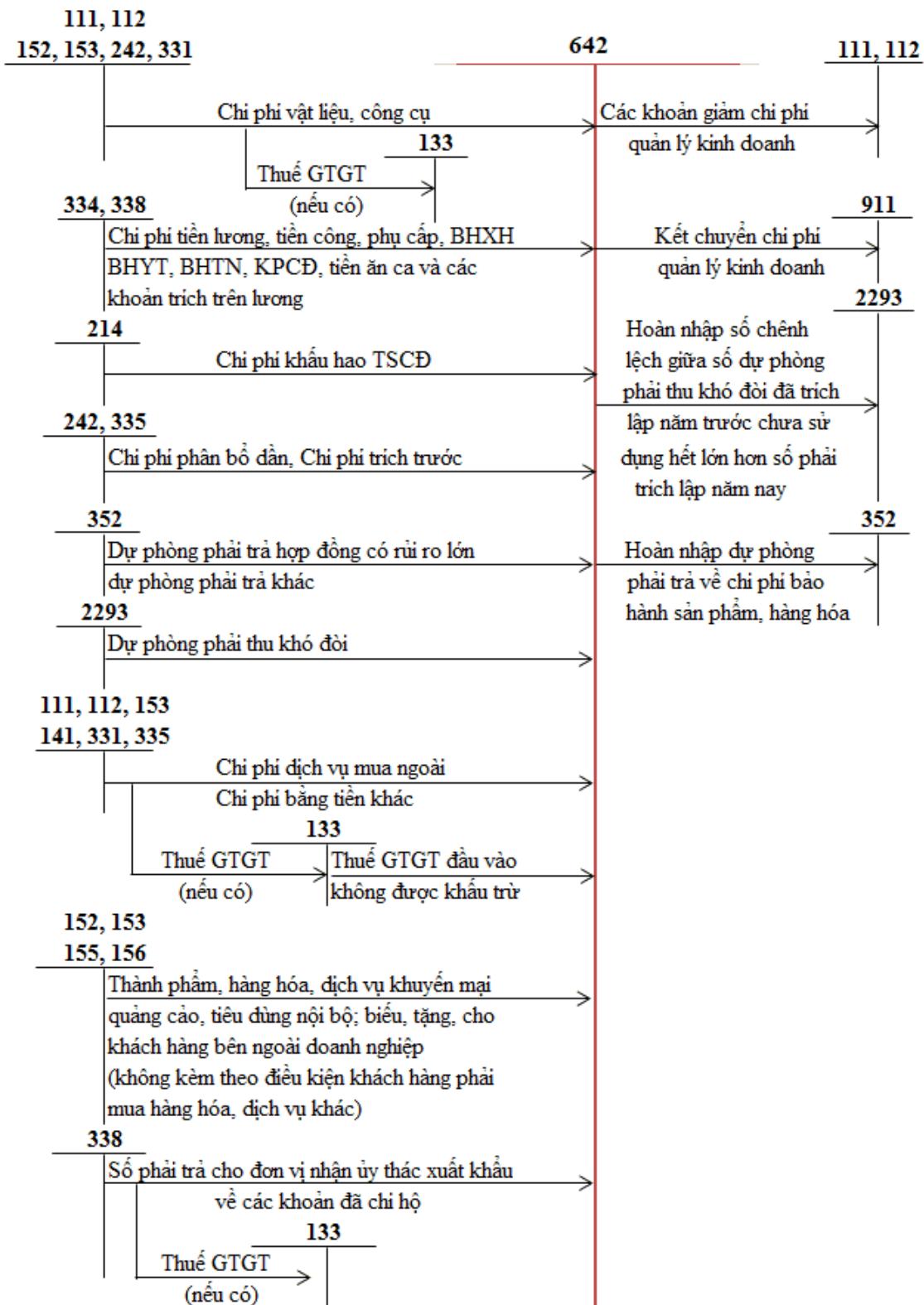
TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

**+ Kết cấu tài khoản 642.**

<b>Nợ</b>	<b>TK 642</b>	<b>Có</b>
-Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.  -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) .	-Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. -Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.) -Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.	
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

( TK 642 không có số dư cuối kỳ)

Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.4. *Kế toán chi phí khác.*

a. Khái niệm:

Chi phí khác phát sinh bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác....

b. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của Ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...
- Các chứng từ khác có liên quan.....

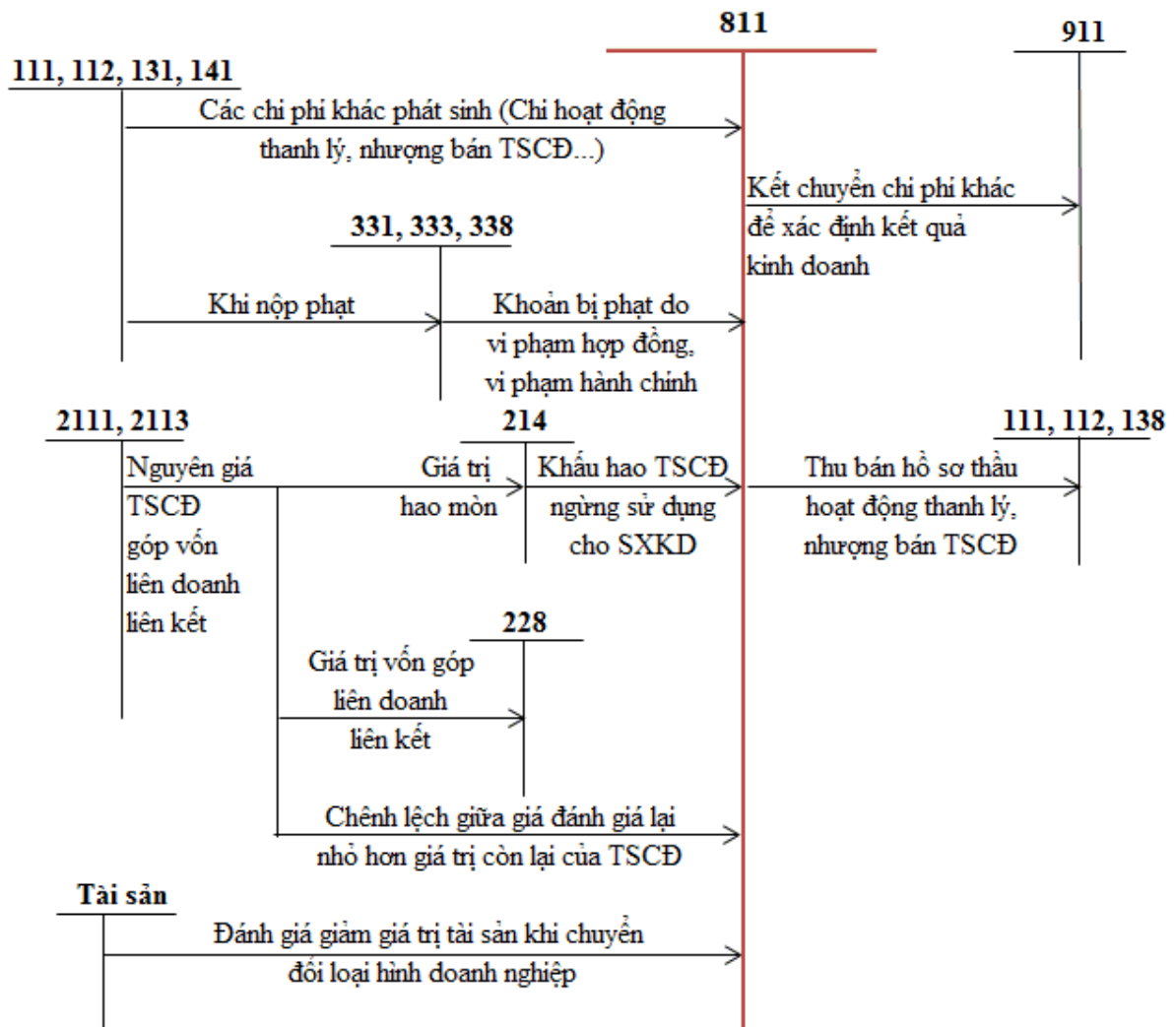
c. Tài khoản sử dụng : TK 811 – “Chi phí khác”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của công ty.

**+ Kết cấu tài khoản 811**

<b>Nợ</b>	<b>TK 811</b>	<b>Có</b>
-Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 : “Xác định kết quả kinh doanh”.
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

( TK 811 không có số dư cuối kỳ)



Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác

### 1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh.

**Khái niệm :** Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Các xác định kết quả kinh doanh :

❖ **Doanh thu thuần**

= DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

= Doanh thu thuần – Giá vốn bán hàng.

❖ **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**

= Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh.

❖ **Lợi nhuận kế toán trước thuế**

= Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác.

Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng :

- Phiếu kế toán ( chứng từ kế toán)
- Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- Các chứng từ liên quan khác.

Tài khoản sử dụng : TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

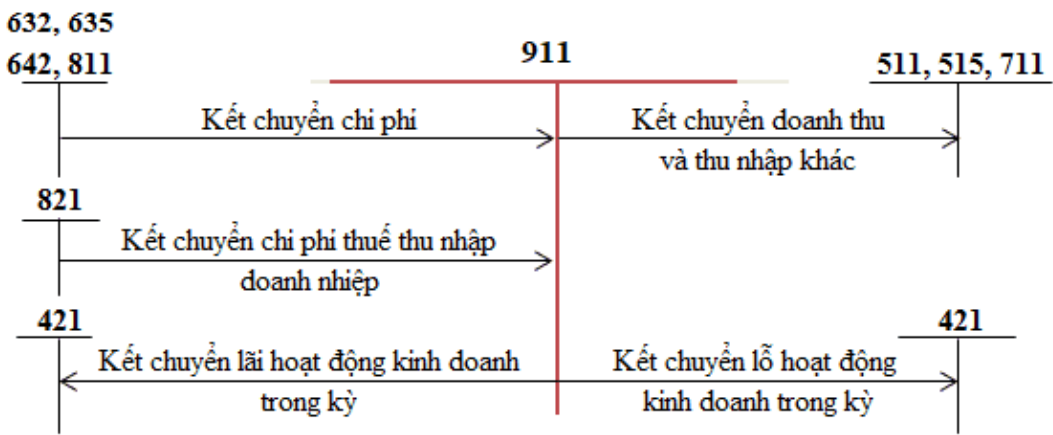
Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

**+Kết cấu tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; -Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; -Chi phí quản lý kinh doanh; -Kết chuyển n lãi.	-Tổng doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. -Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoảng ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp. -Kết chuyển lỗ.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

( TK 911 không có số dư cuối kỳ)

Phương pháp hạch toán:



**Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

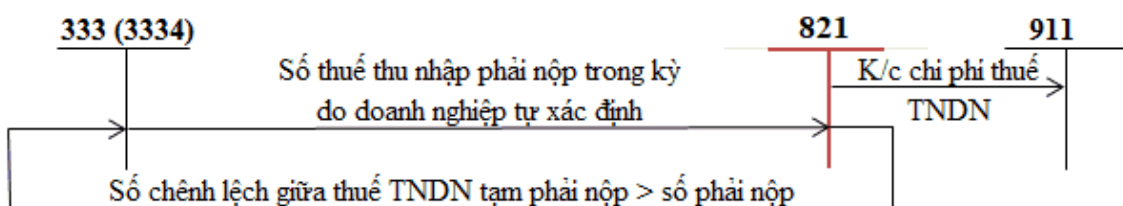
Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

**+Kết cấu tài khoản 821**

Nợ	TK 821	Có
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; -Chi phí thuế TNDN hoãn lại. -Chi phí thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót.		-Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm; -Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; -Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911 : “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

( TK 821 không có số dư cuối kỳ)

Phương pháp hạch toán :



**Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

TK có 2 TK cấp 2 : TK 4211 – “ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”

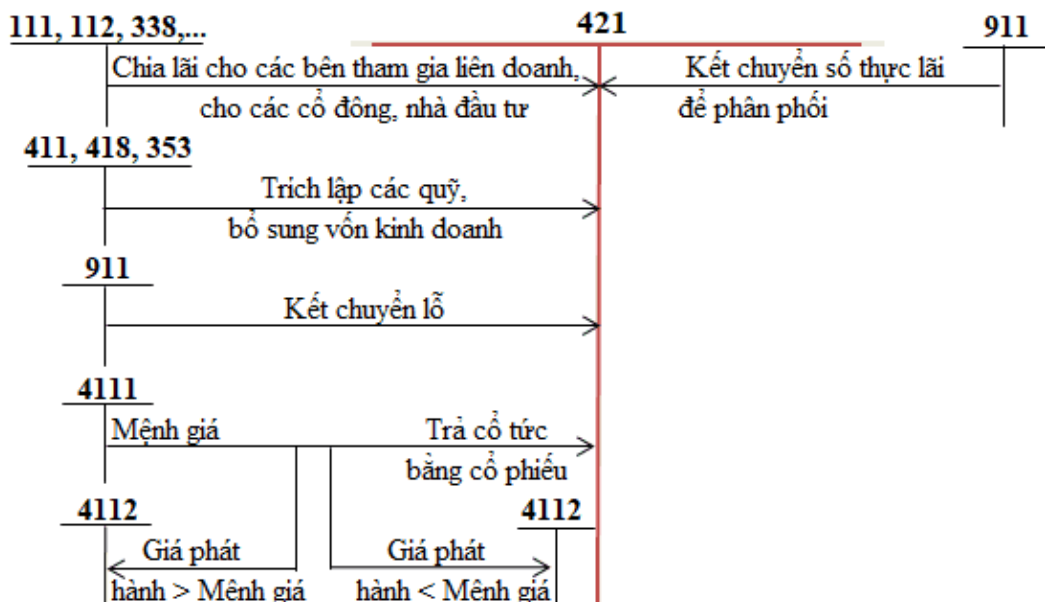
TK 4212 – “ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh ( lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

**+Kết cấu tài khoản 421.**

Nợ	TK 421	Có
-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. -Trích lập các quỹ của doanh nghiệp. -Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu. -Bổ sung vốn đầu tư của CSH.		-Số lãi thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Phương pháp hạch toán :



**Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán lợi nhuận chưa phân phối**



#### **1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Các hình thức ghi sổ kế toán theo thông tư 133/2016/TT- BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 4 hình thức sau :

- Hình thức sổ Nhật ký chung
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

##### **Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung :**

Đặc điểm : Tất cả nghiệp vụ kinh tế , tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế ( định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh :

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

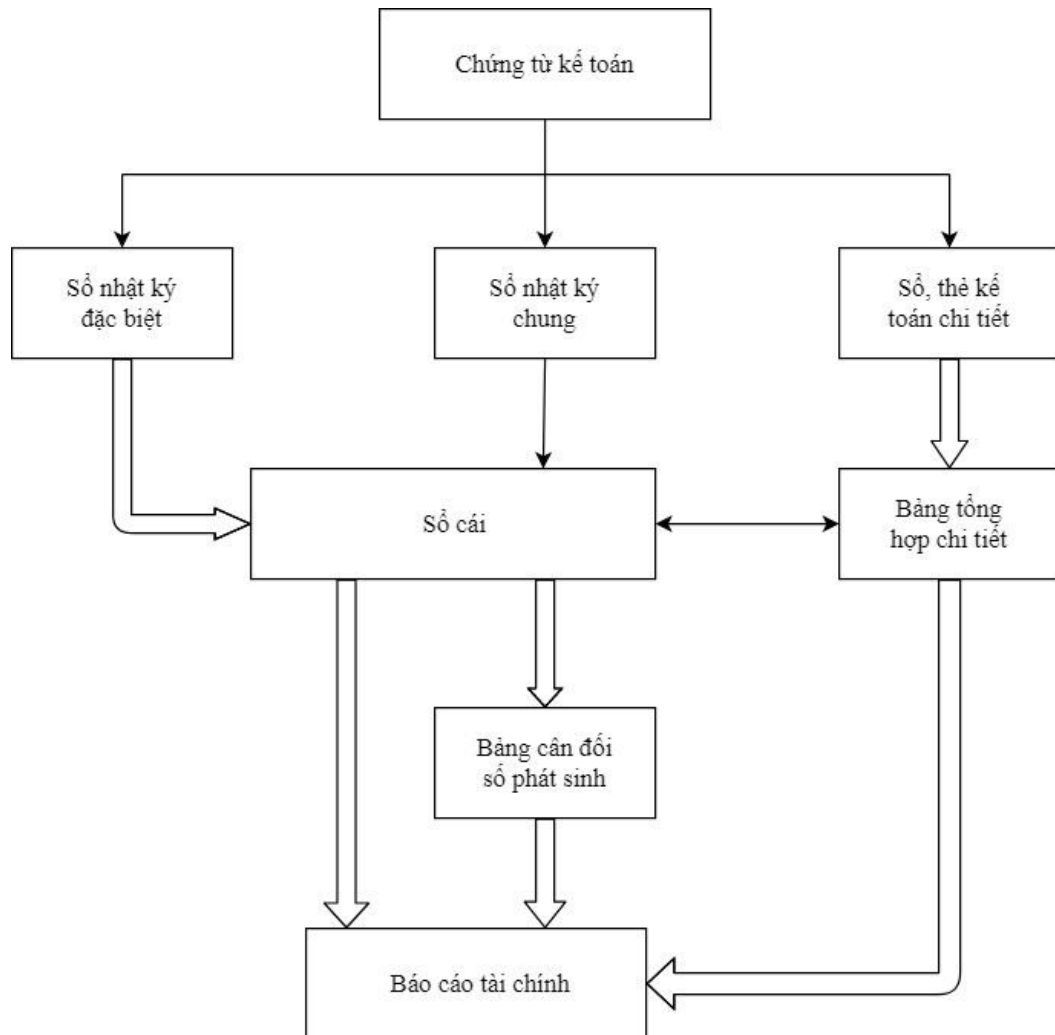
➤ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

➤ Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

➤ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát

sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung được khái quát qua



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT**

#### **2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Việt.**

Công ty Cổ phần Việt được hình thành và phát triển từ một cơ sở sản xuất, kinh doanh 1 số mặt hàng cơ khí. Trải qua thời gian sản xuất kinh doanh thu được lợi nhuận, đồng thời theo cơ chế thị trường có sự định hướng mà Đảng và Chính phủ đề ra nên năm 2010 cơ sở đã tiến hành làm các thủ tục theo qui định của Nhà nước để thành lập lên Công ty Cổ phần Việt.

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Việt
- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Việt
- Tên bằng tiếng anh: Viet Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Viet JSC.
- Ngày thành lập: 10/02/2010
- Địa chỉ trụ sở chính tại: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp : 0201039783
- Tên người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc Việt.
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

#### **2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Việt**

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- Bán buôn hàng kim khí
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Bán buôn sắt, thép
- Bán buôn hàng kim khí
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

- Bán buôn máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy
- Bán buôn trang thiết bị bảo hộ lao động
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng

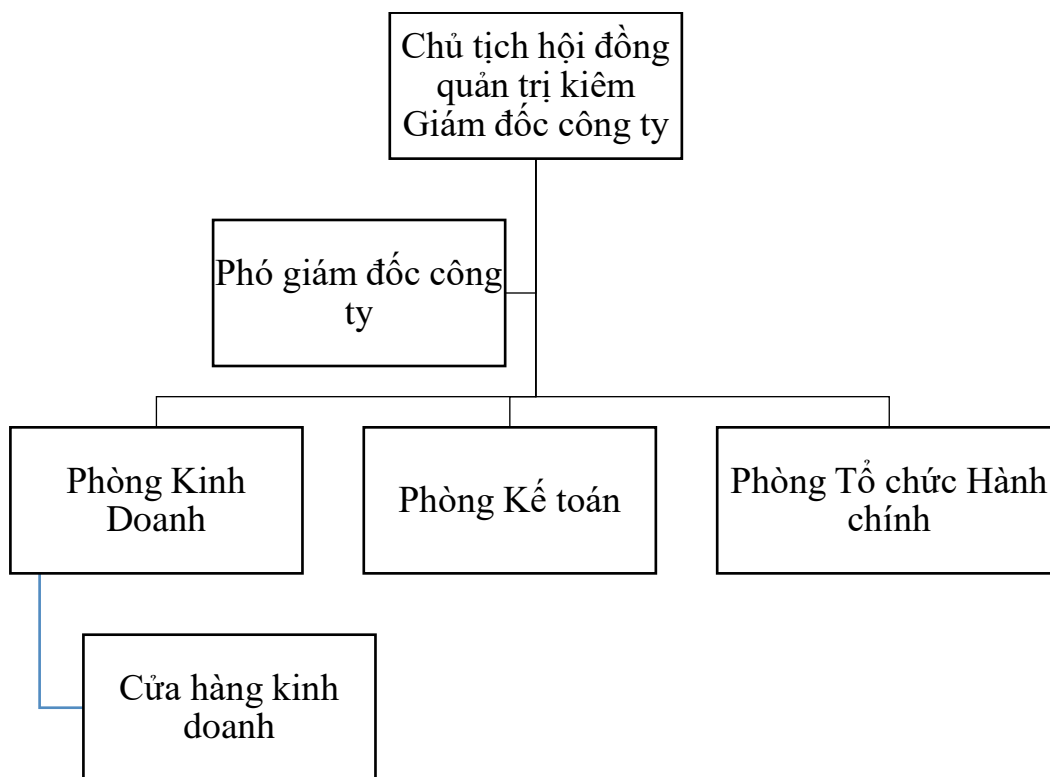
### **2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:**

Trong suốt quá trình hình thành phát triển và thành lập công ty gặp rất nhiều thuận lợi và khó khăn khác nhau.

- Thuận lợi:
  - ✓ Chủ tịch hội đồng quản trị có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, buôn bán đồ vật tư cơ khí, nắm bắt thị trường và có lượng khách hàng tiềm năng lớn
  - ✓ Đội ngũ nhân viên có năng lực, ý thức trách nhiệm, năng động sáng tạo trong công việc.
  - ✓ Địa điểm văn phòng công ty và cửa hàng buôn bán của công ty có vị trí thuận lợi cho việc giao thương, tiếp xúc khách hàng
  - ✓ Cơ sở vật chất của văn phòng được trang bị đầy đủ thiết bị, giúp đẩy nhanh quá trình buôn bán hàng hóa.
- Khó khăn:
  - ✓ Thị trường vật tư cơ khí đã có từ lâu và cũng tồn tại nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực này. Việc lưu kho, bảo quản vật tư cơ khí chưa áp dụng được những công nghệ bảo quản tốt nhất nên vẫn xảy ra hao mòn không mong muốn

**Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt**

- Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt được khái quát qua sơ đồ 2.1 sau:



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt**

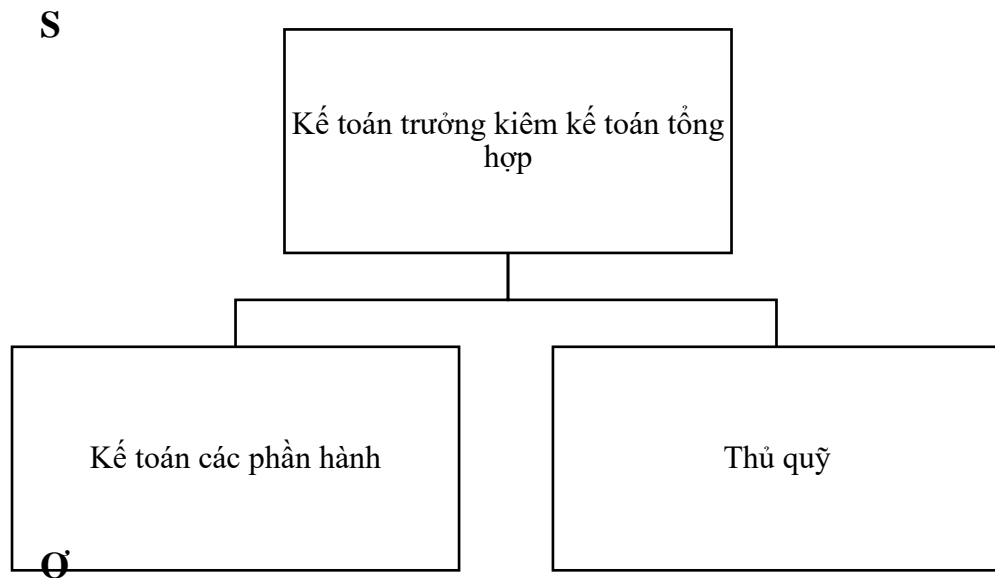
Chức năng của từng phòng ban

- **Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc:** là người thành lập ra công ty, đứng đầu và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Người có quyền quyết định cao nhất công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty. Người giữ vai trò chỉ đạo trong việc quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và bảo đảm quyền lợi cho cán bộ công nhân viên. Là người trực tiếp ký các hợp đồng với các cơ quan, đối tác, khách hàng về việc cung cấp, mua bán, hỗ trợ, tiếp nhận....
- **Phó giám đốc công ty:** Chịu trách nhiệm giúp giám đốc chỉ đạo toàn bộ quá trình bán hàng tại cửa hàng. Tham mưu giúp giám đốc xây dựng kế hoạch bán hàng và tiêu thụ hàng hóa hàng năm.

- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu cho lãnh đạo về các chiến lược kinh doanh. Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh theo tháng, quý, năm. Nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo các chiến lược kinh doanh. Lựa chọn đối tác đầu tư, liên kết. Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh và báo cáo thường xuyên về tình hình chiến lược, những phương án thay thế và cách hợp tác với các khách hàng.
- **Phòng Kế toán:** Xây dựng hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Cập nhật và nắm bắt các luật thuế, chính sách thuế mới ban hành nhằm đáp ứng đúng theo quy định của pháp luật. Quản lý các chi phí đầu vào, đầu ra của công ty. Có trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính của công ty cho lãnh đạo khi có yêu cầu. Nắm bắt tình hình tài chính và có tham mưu kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định. Giải quyết các chế độ tiền lương, thưởng, thai sản. Quản lý doanh thu, lượng hàng, công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định. Thanh toán hợp đồng, tham gia đàm phán các hợp đồng kinh tế.
- **Phòng Tổ chức Hành chính:** Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty về các vấn đề liên quan đến nhân sự, công văn, hợp đồng, các quy chế áp dụng cho công ty. Tham mưu về cách tổ chức các phòng ban, nhân sự theo mô hình công ty. Lên kế hoạch tuyển dụng và phát triển nhân lực. Lưu trữ các hồ sơ, văn bản, giấy tờ quan trọng. Soạn thảo các văn bản, các tài liệu hành chính lưu hành nội bộ và gửi cho khách hàng. Đón tiếp khách, đối tác. Quản lý tài sản cố định và bảo dưỡng tài sản của công ty. Tổ chức, quản lý theo dõi kiểm tra các công tác liên quan đến trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh.

**2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty Cổ phần Việt:**

**2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.**



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Việt.**

**- Kế toán trưởng:**

- Có trách nhiệm quản lý chung, kiểm soát mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Phải nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty để tham mưu cho giám đốc ra các quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty.
- Tổ chức công tác quản lý và điều hành, thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực nghiệp vụ, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm thuộc Phòng tài chính-kế toán.
- Tổ chức công tác tài chính kế toán và bộ máy nhân sự theo yêu cầu đổi mới phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển trong từng giai đoạn.
- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và giám sát toàn bộ công việc để kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ của phòng và mỗi thành viên đạt hiệu quả cao nhất, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực làm việc của từng cán bộ nhân viên để khen thưởng, động viên hoặc kỷ luật kịp thời.
- Chủ trì các cuộc họp hội, Họp đột xuất để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác của phòng, của từng thành viên. Tham gia các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề của phòng tài chính-kế toán.

- Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của Phòng tài chính-kế toán cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty; tiếp nhận; phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời các chỉ thị của Ban Tổng Giám Đốc công ty.
- Lập báo cáo tài chính cho Công ty.
- ***Kế toán các phần hành:***
- Theo dõi, phản ánh kịp thời số lượng NLD, thời gian lao động, tính chính xác tiền lương phải trả cho NLD ( gồm tiền lương, tiền phép năm, tiền thưởng...)
- Dựa vào bảng chấm công và các giấy tờ liên quan như giấy xin nghỉ phép, quy chế lương thưởng,...tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí, các khoản phụ cấp, trợ cấp,...theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của doanh nghiệp.
- Trả lương kịp thời cho người lao động, giám sát tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau.
- Xây dựng thang bảng lương để nộp cho cơ quan bảo hiểm.
- Hoàn thiện bộ hồ sơ chứng từ của tiền lương để đủ cơ sở chắc chắn tính vào chi phí hợp lý khi quyết toán thuế TNDN.
- Nhận và cập nhật chứng từ về TSCĐ, kiểm tra xác nhận TSCĐ khi nhập.
- Lập biên bản bàn giao và bàn giao TSCĐ cho các bộ phận của công ty.
- Kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn, chứng từ trước khi thực hiện Nhập/Xuất kho.
- Kiểm tra các hóa đơn nhập hàng từ nhà sản xuất, xử lý tất cả các trường hợp thiếu hụt nguyên vật liệu, hàng hóa trong phạm vi quyền hạn hoặc báo cáo lên cấp trên để kịp thời giải quyết.
- Kiểm tra và nhập các chứng từ, số liệu hàng hóa vào phần mềm hệ thống
- Kiểm soát nhập xuất tồn kho.
- Thường xuyên kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, hàng hóa vật tư trong kho được sắp xếp hợp lý chưa, kiểm tra thủ kho có tuân thủ các qui định của công ty.
- Thường xuyên cập nhật tình hình hàng hóa trong kho, lên kế hoạch xuất - nhập hàng hóa trình Kế toán trưởng xem xét và phê duyệt.
- Thường xuyên theo dõi công nợ nhập - xuất hàng hóa; định kỳ lập biên bản xác minh công nợ theo quy định.



- Định kỳ 3 tháng 1 lần phối hợp với thủ kho kiểm kê toàn bộ hàng hóa, nguyên vật liệu trong kho. Xử lý những hàng hòa hư hỏng, hết hạn sử dụng.
- Lập biên bản kiểm kê, biên bản đề xuất xử lý nếu phát hiện có sự chênh lệch giữa số liệu thực tế với sổ sách, nộp về phòng Kế toán để được xử lý.
- Hạch toán việc xuất - nhập hàng hóa, nguyên vật liệu; thực hiện hạch toán doanh thu, giá vốn và chi phí
- Lập các báo cáo tồn kho, báo cáo nhập xuất tồn và các báo cáo liên quan khác theo quy định
- Đối chiếu số liệu nhập xuất của thủ kho và kế toán.
- Tham gia công tác kiểm kê định kỳ (hoặc đột xuất).
- Chịu trách nhiệm biên bản kiểm kê, biên bản đề xuất xử lý nếu có chênh lệch giữa sổ sách và thực tế.
- Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền như: thu tiền, thu hồi công nợ, thu tiền của thu ngân hàng ngày.
- Theo dõi tiền gửi ngân hàng.
- Theo dõi công nợ của cổ đông, khách hàng, nhân viên và đơn đốc thu hồi công nợ.
- Theo dõi việc thanh toán qua thẻ của khách hàng.
- Quản lý các chứng từ liên quan đến thu-chi.
- Quản lý các khoản chi

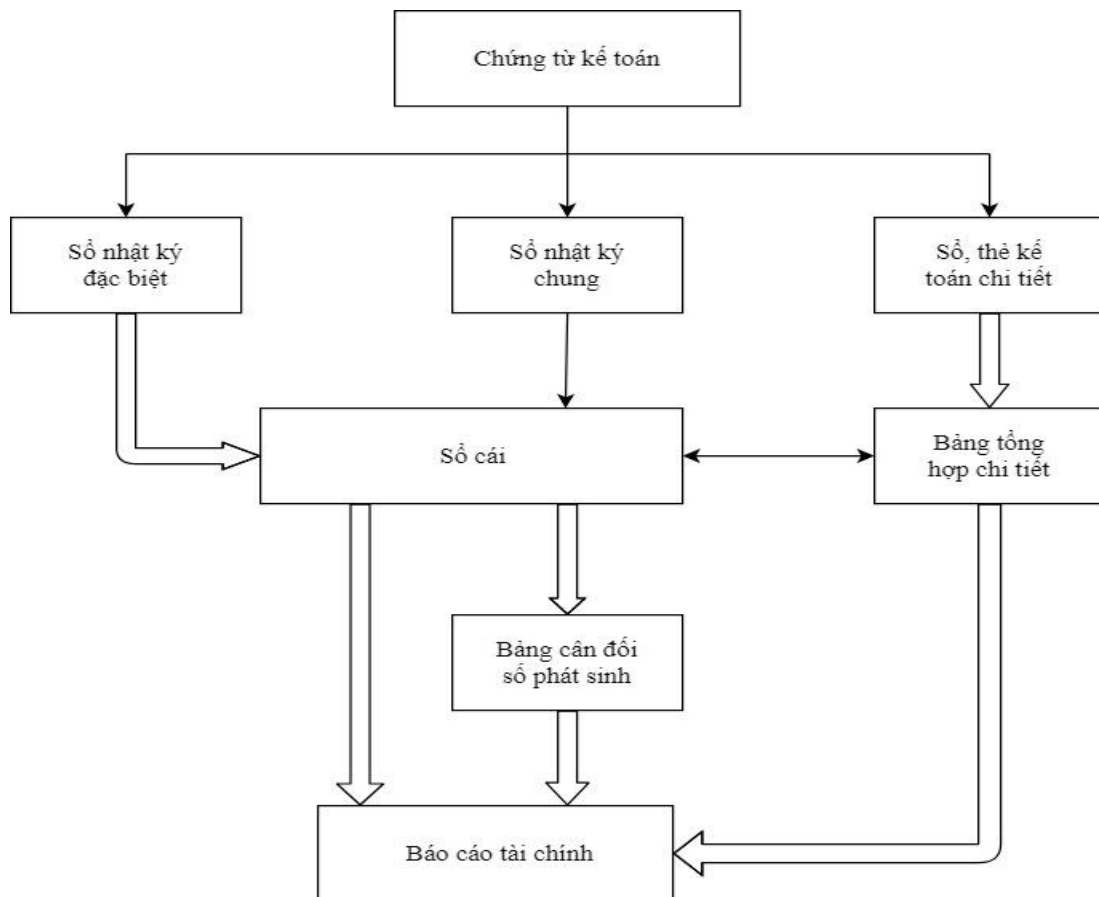
**Thủ quỹ:**

- Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
- Kiểm tra tiền mặt để phát hiện các loại tiền giả và báo cáo kịp thời.
- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty..
- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.
- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt.
- Quản lý chìa khoá két sắt an toàn, không cho bất kỳ người nào không có trách nhiệm giữ hay xem chìa khoá két.
- Phân loại đúng loại tiền, sắp xếp khoa học giúp cho việc dễ dàng nhận biết, xuất nhập tiền dễ dàng.
- Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền.
- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp

▪ Thực hiện các công việc khác do Kế toán trưởng và Giám đốc giao

*2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán, chế độ, các chính sách kế toán áp dụng tại công ty*

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung ( sơ đồ 2.3)
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Thông tư số 133/2016/TT-BTC
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Nhập trước xuất trước.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01, kết thúc 31/12
- Đơn vị tiền tệ để ghi chép sổ kế toán: Việt Nam đồng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\Longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.**

***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:***

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt.**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP Việt.**

Công ty áp dụng duy nhất phương thức bán hàng trực tiếp : Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho ( hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hóa đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.

**2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP Việt.**

Công ty CP Việt là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu các lĩnh vực vật tư, thiết bị điện, máy móc, phụ tùng động cơ ..... (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) nên doanh thu của...

**2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, giấy đề nghị thanh toán, biên bản giao nhận hàng.
- Phiếu thu, giấy báo có của Ngân hàng..

### 2.2.1.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết phải thu khách hàng.
- Các sổ tổng hợp : Sổ cái các tài khoản doanh thu, chi phí, ...

### 2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu khách hàng
- TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà Nước.

### 2.2.1.5. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty.

Quy trình hạch toán :

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng ( Hóa đơn GTGT). Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên :

Liên 1: Lưu – Màu tím, được lưu lại cuống gốc để tại phòng kế toán (Nếu có)

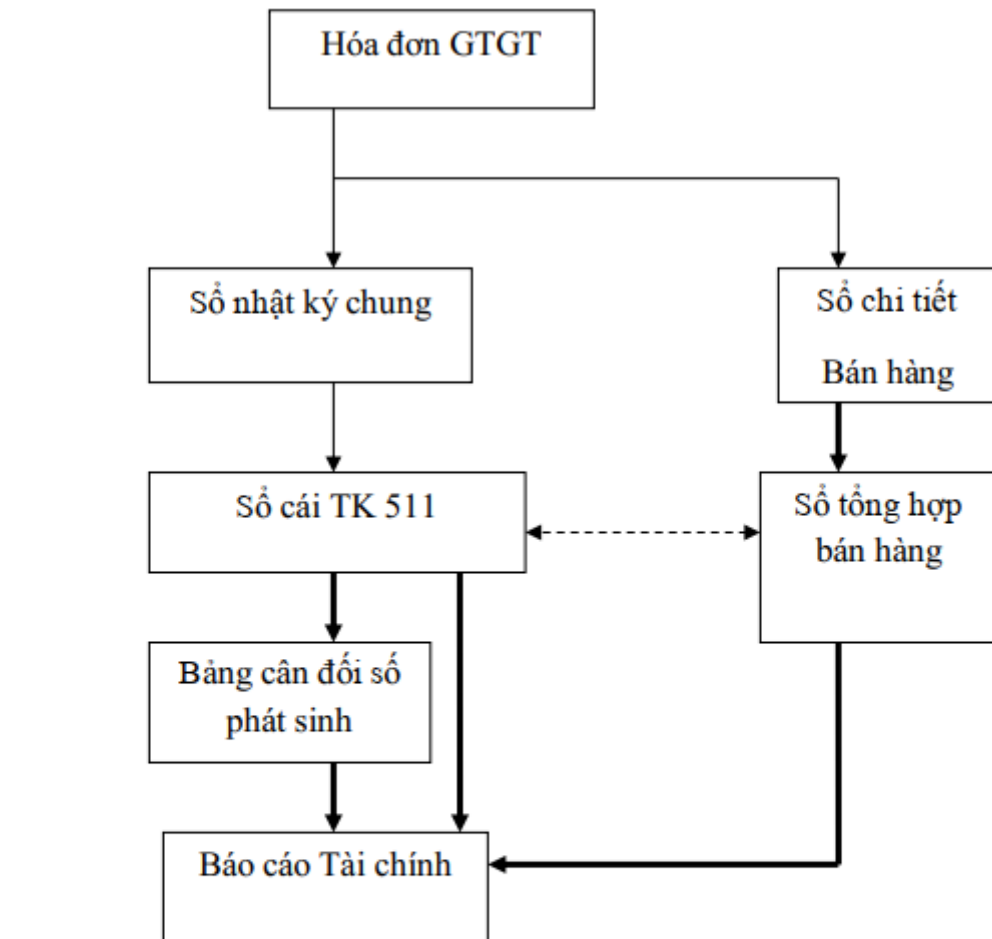
Liên 2 : Giao người mua – Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ kế toán.

Liên 3 : Nội bộ - Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra để làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng, kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản để lập bảng cân đối phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.



❖ Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

Đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

**Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ công tác kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần Việt.**


**Ví dụ 1 :** Tháng 09/2018, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái các TK liên quan.

- Ngày 01/09/2018, xuất bán 15 ỏn áp Li –OA 10kVA 1 pha cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát đơn giá 5.580.000 đ /bộ ( chưa bao gồm VAT 10%) , thanh toán bằng chuyển khoản.
- Ngày 06/09/2018, xuất bán 8 máy bơm chân không Shinil SIP -250 BE cho công ty TNHH Điện máy Thành Lợi với đơn giá 1.948.000 đ/ cái ( chưa có VAT 10%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

**Biểu số 2.1** : HĐ GTGT số 0000188 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty CP Việt)

<b>HOA ĐƠN</b>			Mẫu số : 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu : AA/16P		
Liên 3: Nội bộ			Số : <b>0000188</b>		
Ngày 01 tháng 09 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT</b>					
Mã số thuế : 0201039783					
Địa chỉ : Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.3559160					
Số tài khoản : .....					
Họ tên người mua hàng : .....					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát.					
Mã số thuế : 0201115201					
Địa chỉ : Số 597 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán : CK..... Số tài khoản : .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Ôn áp Li-Oa 10kVA 1 pha	Bộ	15	5.580.000	83.700.000
Cộng tiền hàng :					83.700.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			8.370.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					92.070.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Chín mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn ./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.2: Giấy báo có** (Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty CP Việt)

 SeABank	NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á CHI NHANH HAI AN – HAI PHONG MST:0200253985-052	Số:FT19032108475927 Ngày: 01/09/2018
<b>Giấy báo có</b>		
<b>Thông tin người chuyển:</b>		
Tên người chuyển:		Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát
<b>Thông tin người nhận:</b>		
Tên người nhận:		Công ty Cổ phần Việt
Số tài khoản:		31800066988899
Tên tài khoản:		CTY CP VIET
Mã số thuế:		0201039783
Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:		
<b>NỘI DUNG:</b>	<b>SỐ TIỀN:</b>	
CT TNHH TM Hoang Tin Phat thanh toan HD0000188	92,070,000.00 VND	
Số tiền bằng chữ: Chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng.		
Đã thu: Phí DV            0.00 Thuế VAT:            0.00		
<b>LẬP PHIẾU</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)

**Biểu số 2.3** : HĐ GTGT số 0000193 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty CP Việt )

<b>HOA ĐƠN</b>		Mẫu số : 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu : AA/16P			
Liên 3: Nội bộ		Số : <b>0000193</b>			
Ngày 06 tháng 09 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT</b>					
Mã số thuế : 0201039783					
Địa chỉ : Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.					
Điện thoại : 0225.3559160					
Số tài khoản : .....					
Họ tên người mua hàng :.....					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Điện máy Thành Lợi.					
Mã số thuế : 0106926175.					
Địa chỉ : 118B Trường Chinh, Hà Nội					
Hình thức thanh toán : TM..... Số tài khoản : .....					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Bom chân không Shinil SIP -250 BE	Cái	08	1.948.000	15.584.000
Cộng tiền hàng :					15.584.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		1.558.400	
Tổng cộng tiền thanh toán :					17.142.400
Số tiền viết bằng chữ : Mười bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng ./.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					



**Biểu số 2.4** : Phiếu thu 0000137 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt* )

<p><b>Đơn vị:</b> Công ty cổ phần Việt.                  Địa chỉ: Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng (Ban hành theo TT số 133/2010 của Bộ Tài chính)</p>				
<p><b>PHIẾU THU</b>  <i>Ngày 06 tháng 09 năm 2018.</i></p>				
<p>Họ và tên người nộp tiền: ..... Công ty TNHH Điện máy Lợi Thành                  Địa chỉ: ..... : 118B Trường Chinh, Hà Nội.                  Lý do nộp: ...Trả tiền hàng theo HĐ 0000193.....                  Số tiền: .....17.142.400 đ.....                  (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng/.....                  Kèm theo: .....HĐ0000193...</p>				
<p><i>Ngày 06 tháng 09 năm 2018</i></p>				
<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... Mười hai triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn...</p>				
<p>+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....</p>				
<p>+ Số tiền quy đổi:</p>				

**Mẫu số:**  
 số 133/2010  
 của Bộ Tài  
 chính  
 Quyền số: ...4.  
 Số: ...**137**.....  
 Nợ :1111  
 Có :511, 3331

**Biểu số 2.5: Sổ nhật ký chung**

Mẫu số S03a-DNN

**Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Việt

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
01/09/18	PX0585	01/09	Xuất bán hàng theo HĐ số 0000188	632 156	72.825.000	72.825.000
01/09/18	HĐ0188	01/09	Bán hàng theo HĐ số 0000188	112	92.070.000	
				511		83.700.000
				333		8.370.000
				1		
03/09/18	PX0586	03/09	KH Lẻ mua hàng	632 156	2.100.000	2.100.000
03/09/18	HĐ0189	03/09		111	2.750.000	
				511		2.500.000
				333		250.000
				1		
			.....			
06/09/18	HĐ0193	06/09	Bán hàng theo HĐ số 000193	111	17.142.400	
				511		15.584.000
				333		1.558.400
				1		
06/09/18	PX0560	06/09	Xuất bán hàng theo HĐ 0000193	632 156	14.112.000	14.112.000
			.....			
			Cộng số phát sinh		<b>122.404.406.990</b>	<b>122.404.406.990</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)

**Biểu số 2.6: Sổ cái TK 511**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Việt

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
	....	....	.....	....	....	.....
01/09/18	HĐ0188	01/09	<b>Bán bộ Li-oa 10kVA 1 pha</b>	<b>112</b>		<b>83.700.000</b>
03/09/18	HĐ0189	03/09	Bán 25 ổ cắm điện Li-oa 6 lỗ 5m	111		2.500.000
...	...	...	.....	...	...	....
06/09/18	HĐ0193	06/09	<b>Bán máy chân không Shinil SIP - 250 BE</b>	<b>111</b>		<b>15.584.000</b>
07/09/18	HĐ0194	07/09	Bán dây điện CADIVI 1.5 mm dài 100m	131		49.500.000
...	....	...	.....	...	...	...
31/12/18	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	14.568.775.120	
			<b>Cộng phát sinh trong năm</b>		<b><u>14.568.775.120</u></b>	<b><u>14.568.775.120</u></b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)

**2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP Việt.**

Hoạt động của công ty chủ yếu vào chú trọng vào cung cấp dịch vụ bán hàng nên công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng :

Giấy báo có, giấy sao kê tài khoản và các chứng từ khác có liên quan ...

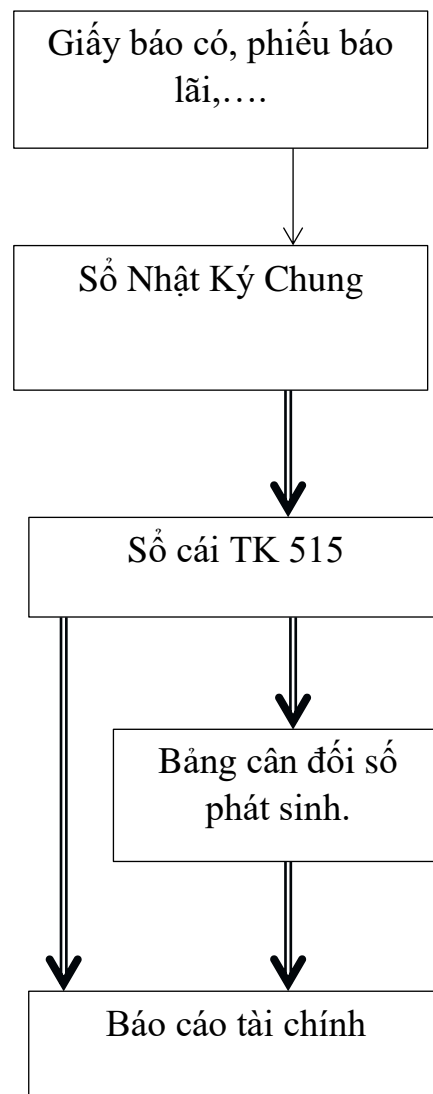
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng : TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”

2.2.2.3. Trình tự ghi sổ

Ghi chú :

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối kỳ : ==>



**Sơ đồ 2.5 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Việt**

**Ví dụ 2 :** Ngày 05/09/2018, Công ty nhận giấy báo có lãi tiền gửi ngân hàng Seabank số tiền : 208.196 đ bằng chuyển khoản.

**Biểu số 2.7: Giấy báo có 927** (Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty CP Việt)

 SeABank	NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á CHI NHANH HAI AN – HAI PHONG MST:0200253985-052	Số:FT19032108475927 Ngày: 30/09/2018				
<b>Giấy báo có</b>						
<b>Thông tin người nhận:</b>						
Tên người nhận:	Công ty Cổ phần Việt					
Số tài khoản ( Account)	31800066988899					
Tên tài khoản (Account Holder):	CTY CP VIET					
Mã số thuế (Tax code) :	0201039783					
Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:						
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">NỘI DUNG (Payment details):</th> <th style="width: 50%;">SỐ TIỀN ( Amount)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi tiền gửi tháng 09/2018</td> <td style="text-align: right;">1.218.548 VND</td> </tr> </tbody> </table>		NỘI DUNG (Payment details):	SỐ TIỀN ( Amount)	Lãi tiền gửi tháng 09/2018	1.218.548 VND	
NỘI DUNG (Payment details):	SỐ TIỀN ( Amount)					
Lãi tiền gửi tháng 09/2018	1.218.548 VND					
Số tiền bằng chữ (In words) : Một triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng.						
Đã thu: Phí DV	0.00					
Thuế VAT:	0.00					
<b>LẬP PHIẾU</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>					

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)

**Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung**

Mẫu số S03a-DNN

**Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Việt

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

*Đơn vị tính: đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			..... ...			
05/09/18	GBN258	05/09	Phí chuyển khoản thanh toán	6422	25.225	
				112		25.225
30/09/18	GBC927	25/09	<b>Tiền lãi tháng 9 của ngân hàng</b>	<b>112</b>	<b>1.218.548</b>	
				<b>515</b>		<b>1.218.548</b>
30/09/18	GBN260	30/09	Phí duy trì sử dụng dịch vụ SMS banking	6422	30.0000	
				112		30.000
			.....			
			Cộng số phát sinh		<b>122.404.406.990</b>	<b>122.404.406.990</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)*

**Biểu số 2.9: Sổ cái TK 515**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Việt

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng

(Ban hành theo Thông tư số

Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016

của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu năm</u></b>			
			Số phát sinh trong kỳ			
...	...	..	....	...	....	....
31/05/18	GBC 258		Lãi tiền gửi tháng 05/2018			1.205.114
30/06/18	GBC 257		Lãi tiền gửi tháng 06/2018			1.208.147
...	...	...	....	..	...	...
<b>30/09/18</b>	<b>GBC 447</b>		<b>Lãi tiền gửi tháng 09/2018</b>			<b>1.218.547</b>
...	...	...	...	...	...	...
31/12/18	PKT8 1	31/1 2	Kết chuyển doanh thu thuần	911	14.587.235	
			<b><u>Cộng phát sinh trong năm</u></b>		<b><u>14.587.235</u></b>	<b><u>14.587.235</u></b>
			<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)

**2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Việt.**

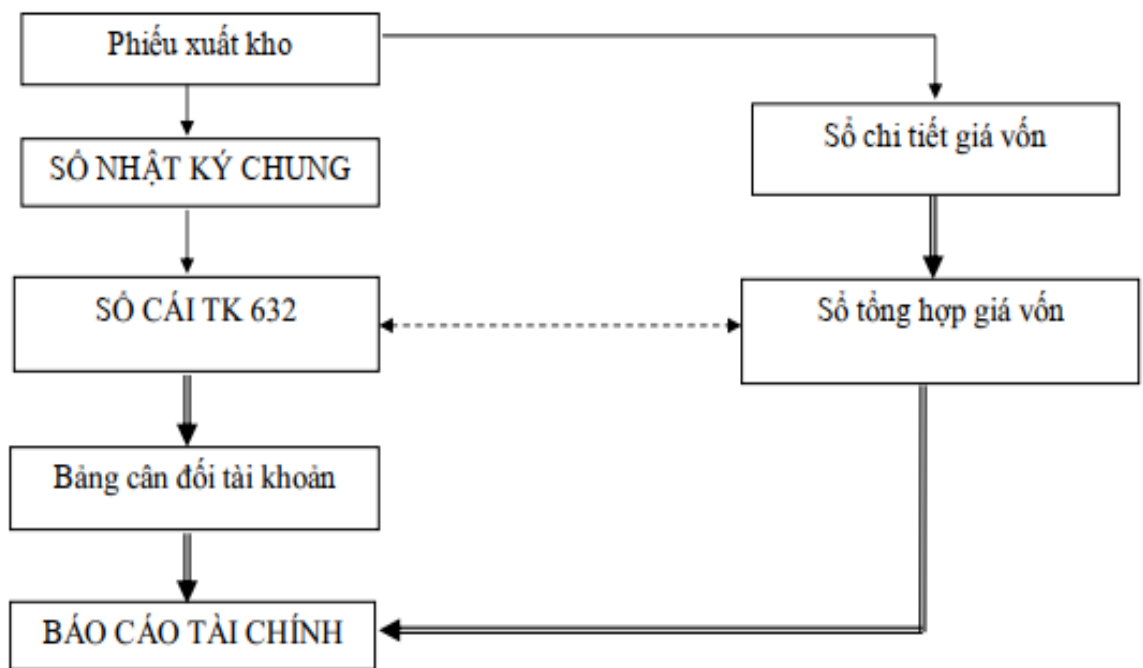
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn GTGT đầu vào, phiếu xuất kho
- Phiếu chi , giấy báo nợ của Ngân hàng...

2.2.3.2. Sổ sách sử dụng.

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu: <-.->

**Sơ đồ 2.6 : Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Việt.**

2.2.3.4. Phương pháp hạch toán.

Công ty xác định giá vốn hàng hóa theo phương thức nhập trước xuất trước ( FIFO) : Theo phương pháp này , giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

Lấy tiếp ở ví dụ 1:

- Ngày 01/09/2018, xuất bán 15 ỏn áp Li –OA 10kVA 1 pha cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát đơn giá 5.580.000 đ /bộ ( chưa bao gồm VAT 10%) , thanh toán bằng chuyển khoản.



Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp bình nhập trước xuất trước, công ty xác định đơn giá như sau :

- Ngày 30/08/2018 : Tồn kho 5 bộ , đơn giá là 4.800.000 đ/ bộ
- Ngày 01/09/2018 : Nhập 15 bộ đơn giá 4.855.000 đ/ bộ.
- Ngày 01/09/2018 : Xuất kho 15 bộ bán cho công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát

⇒ Đơn giá xuất ngày 01/09 bộ ổn áp là :

$$= (5 \times 4.800.000 \text{ đ/ bộ} + 10 \times 4.855.000 \text{ đ/ bộ}) / 15 = 4.836.667 \text{ đ/ bộ}$$

Trị giá bộ ổn áp Li-Oa 10kVA 1 pha xuất kho ngày 01/09

$$= 15 \times 4.836.667 \text{ đ/bộ} = 72.550.000 \text{ đ.}$$

Tương tự như vậy đến ngày 06/09/2018, xuất bán 8 máy bơm chân không Shinil SIP 250 BE cho công ty Điện máy Thành Lợi là :

⇒ Đơn giá xuất ngày 06/09 máy bơm là :

$$= (2 \times 907.000 \text{ đ/ c} + 8 \times 1.120.000 \text{ đ/ c}) / 8 = 1.346.750 \text{ đ/ c}$$

Trị giá bộ ổn áp Li-Oa 10kVA 1 pha xuất kho ngày 01/09

$$= 8 \times 1.346.750 \text{ đ/c} = 10.774.000 \text{ đ.}$$

**Biểu số 2.10** : Phiếu xuất kho 000585 ( *Nguồn : Phòng kế toán Công ty cổ phần Việt*)

Công ty cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng  
Thái, Quận Hồng Bàng, HP

**Mẫu số 02 - VT**  
(*Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính*)

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 01 tháng 09 năm 2018*      Nợ : 632

Số: XK000585                      Có : 156

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Hoàng Thông - Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tín Phát..
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát theo HĐ0000188
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho hàng hóa                      Địa điểm : Công ty cổ phần Việt.....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ổn áp Li-Oa 10kVA 1 pha	ON AP 10k VA	Bộ	15	15	4.836.667	72.550.000
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>x</b>	72.550.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....**Bảy mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo : .....

**Người lập phiếu**  
(*Ký, họ tên*)

**Người nhận hàng**  
(*Ký, họ tên*)

**Thủ kho**  
(*Ký, họ tên*)

**Kế toán trưởng**  
(**Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập**)  
(*Ký, họ tên*)

**Giám đốc**  
(*Ký, họ tên*)

**Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung**

**Trích sổ nhật ký chung**

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty Cổ phần Việt

(Ban hành theo Thông tư số

Địa chỉ: 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
<b>01/09/18</b>	<b>XK0585</b>	<b>01/09</b>	<b>Giá vốn bán hàng cho CTY Hoàng Tín Phát</b>	<b>632</b>	<b>72.550.000</b>	
				<b>156</b>		<b>72.550.000</b>
01/09/18	HĐ0188	01/09	Bán Li-oa 10kVA – 1 pha	1121	92.070.000	
				511		83.700.000
				3331		8.370.000
....	...	...	....	...	....	...
<b>06/09/18</b>	<b>XK0590</b>	<b>06/09</b>	<b>Giá vốn bán hàng cho CTY</b>	<b>632</b>	<b>10.774.000</b>	
				<b>156</b>		<b>10.774.000</b>
06/09/18	HĐ0193	06/09	Bán máy chân không Shinil	1111	17.142.400	
				511		15.584.000
				3331		1.558.400
....	...	...	...	..	...	..
			Cộng số phát sinh		<b>122.404.406.990</b>	<b>122.404.406.990</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)

**Biểu số 2.12 : Sổ cái TK 632**

Công ty Cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số: S03b – DNN**  
*(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016  
của Bộ Tài chính)*

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

*Đơn vị tính : VND*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	..	....	...	....	....
<b>01/09</b>	<b>XK0585</b>	<b>01/09</b>	<b>Xuất bán 15 bộ Li-Oa 10kVA 1 pha</b>	<b>156</b>	<b>72.550.000</b>	
03/09	XK584	03/09	Xuất bán 3 máy khoan động lực GBS 550	156	2.691.000	
...	...	...	....	...	...	...
<b>06/09</b>	<b>XK590</b>	<b>06/09</b>	<b>Xuất bán 8 máy bơm chân không Shinil - BE</b>	<b>156</b>	<b>10.774.000</b>	
08/09	XK591	08/09	Xuất bán bộ khoan Homeeasy 132 chi tiết 132 PCS (810W)	156	2.097.000	
..	...	...	....	...	....	....
31/12/18	PKT81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911		12.578.694.578
			<b><u>Cộng phát sinh trong năm</u></b>		<b><u>12.578.694.578</u></b>	<b><u>12.578.694.578</u></b>
			<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)*

**2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.**

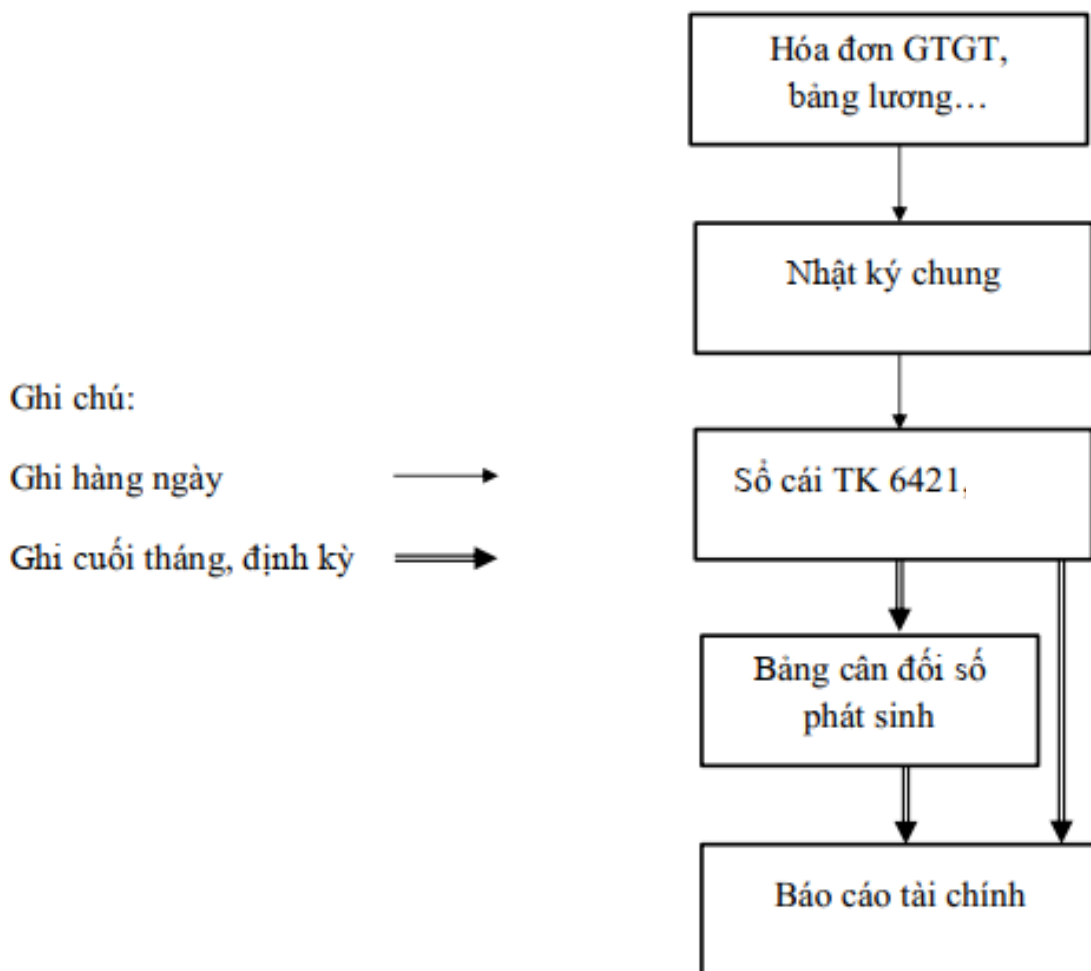
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- CA hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.3. Quy trình hạch toán



**Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần Việt**

**Ví dụ 2 :**

Ngày 05/09/2018 , công ty thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 08/2018 số tiền 1.548.214 đồng ( chưa có thuế GTGT 10%) thanh toán bằng tiền mặt

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0013653 ( **Biểu số 2.13**) , kế toán lập phiếu chi (**Biểu số 2.14**) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( **Biểu số 2.17**)

Ngày 13/09/2018, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho công ty cổ phần du lịch khách sạn Hải Đăng số tiền là 6.480.000 đ ( chưa bao gồm thuế VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0013653 ( Biểu số 3.4) , kế toán lập phiếu chi ( Biểu số 3.

**Biểu số 2.13** : Hóa đơn 0063276 ( Nguồn kế toán : Phòng kế toán công ty CP Việt)



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**  
TELECOMMUNICATION SEVIC INVOICE (VAT)

Mẫu số : 01GTKT

Ký hiệu (Serial No) : AD/18E

Số (No) : 0063276

**Viễn thông Thành phố Hải Phòng**

Mã số thuế : 

0	2	0	0	2	8	7	9	7	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ : Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.

Tên khách hàng ( Customer's name): CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT

Địa chỉ ( Address) : Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng , Hải Phòng.

Số thuê bao ( Subscriber Number ) : 0225.3754112 Mã số ( code) : JT64611A/TTX033 – 00:4

Hình thức thanh toán ( Kind of Payment ) : .....MST : 

0	2	0	1	0	3	9	7	8	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	Số lượng (Quantity)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	Thành tiền (amount) VND
1	2	3	4	5	6
1	CUOC DINH VU VIEN THONG TP HAI PHONG			0	1.548.214
<b>Cộng tiền dịch vụ (Total) (1)</b>					<b>1.548.214</b>
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate) : 10% x(1)</b>				<b>Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2)</b>	<b>154.821</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán ( Grand total) (1+2)</b>					<b>1.703.035</b>

Số tiền viết bằng chữ ( In words) : Một triệu bảy trăm linh ba nghìn không trăm ba mươi năm đồng

Signature Valid

Ký bởi Viễn thông Thành phố Hải Phòng

Ký ngày : 005/09/2018

**Biểu số 2.14** : Phiếu chi 0000487 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)

Công ty cổ phần Việt. Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	<p style="text-align: right;"><b>Mẫu số: 02 - TT</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i></p> <p style="text-align: right;">Quyển số: ...4.....                  Số: ...<b>487</b>.....                  Nợ :6422,133                  Có : 111</p>			
<p><b>PHIẾU CHI</b></p> <p><i>Ngày 05 tháng 09 năm 2018.</i></p>				
Họ và tên người nhận tiền: ..... TT kinh doanh VNPT Hải Phòng Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Lý do chi : ...Thanh toán tiền cước viễn thông – HD0063276..... Số tiền: ..... <b>1.703.035 đ</b> ..... (Viết bằng chữ): <b>Một triệu bảy trăm linh ba nghìn không trăm ba mươi năm đồng</b> /..... Kèm theo: .....				
<p><i>Ngày 05 tháng 09 năm 2018</i></p>				
<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)</p>
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... <b>Một triệu bảy trăm linh ba nghìn không trăm ba mươi năm đồng</b> ...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....				
+ Số tiền quy đổi:				



**Biểu số 2.15** : HĐ GTGT 0013653 (Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty CP Việt)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KHÁCH SẠN HẢI ĐĂNG**  
Số 19 Trần Khánh Dư, P.Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng.  
Số điện thoại : 0225. 3628999 Fax : 0225.3628666  
Mã số thuế : **0200783809**

Mẫu số : **01GTKT0/002**  
Ký hiệu: **GB/17E**  
Số HĐ : **0013653**  
Số Bill : **5**

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG ( VAT INVOICE)

Ngày/Date : **13/09/2018**

**Địa điểm bán hàng ( Restaurant )** : Nhà hàng Hải Đăng Plaza

Họ tên người mua hàng ( Buyer ) :

Tên đơn vị (Company) : Công ty cổ phần Việt.

Địa chỉ ( Address ) : Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế (Tax code ) : **0201039783** **Hình thức TT (Payment term)** :  
TM/CK.

Số tài khoản ( Bank A/C ) :

Ngân hàng ( Bank name ) :

STT (NO)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (UNIT)	Số lượng (Quantity)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	Thành tiền (amount) VND
1	2	3	4	5	6
1	Buffet người lớn	Suất	20,0	250.000	5.000.000
2	Khăn giấy	Cái	20,0	3.000	60.000
3	Nước suối Dasani	Chai	15,0	15.000	225.000
4	Rượu vang Essenza	Chai	1	1.140.000	1.195.000
<b>Cộng tiền hàng (Total) (1)</b>					<b>6.480.000</b>
<b>Thuế suất GTGT (Tax rate) : 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT (Tax amount) (2)</b>		<b>648.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán ( Grand total) (1+2)</b>					<b>7.128.000</b>

Số tiền viết bằng chữ: **Bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng**  
(Amount in words)

**Người mua hàng ( Buyer)**

**Người bán hàng (Seller)**

**Ký, ghi rõ họ tên (Signature & Full name )** **Ký, ghi rõ họ tên (Signature & Full name )**

Được ký bởi **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KHÁCH SẠN HẢI ĐĂNG**

**Biểu số 216** : Phiếu chi 0000493 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)

Công ty cổ phần Việt. Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	<b>Mẫu số: 02 - TT</b> (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)			
<b>PHIẾU CHI</b> Ngày 13 tháng 09 năm 2018.				
Quyển số: ...4..... Số: ... <b>493</b> ..... Nợ :6422,133 Có : 111				
Họ và tên người nhận tiền: ..... Nguyễn Mai Liên – Công ty cổ phần Việt. Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Lý do chi: ...Thanh toán tiền tiếp khách – HĐ 0013653..... Số tiền: ..... <b>7.128.000 đ</b> ..... (Viết bằng chữ): <b>Bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng</b> /..... Kèm theo: .....				
Ngày 13 tháng 09 năm 2018				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... Bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....				
+ Số tiền quy đổi :				

**Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung**

**Trích sổ nhật ký chung**

Mẫu số S03a-DNN

Công ty Cổ phần Việt

(Ban hành theo Thông tư số

Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
05/09/18	HD63276 PC487	05/09	Thanh toán tiền cước viễn thông T8/2018	6422	1.548.214	
				133	154.821	
				1111		1.703.035
10/09/18	NVK058	10/09	Thanh toán tiền lương cho nhân viên T8/2018	6422	30.007.917	
				334		30.007.917
....	...	...	....	...	....	...
13/09/18	HD13653 PC493	13/09	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách	6422	6.480.000	
				133	648.000	
				1111		7.128.000
14/09/18	HD01548 PC494	14/09	Chi tiền mặt mua VPP cho bộ phận bán hàng	6421	2.154.000	
				133	215.400	
				1111		2.369.400
....	...	...	...	..	...	..
			Cộng số phát sinh		<b>122.404.406.990</b>	<b>122.404.406.990</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)

**Biểu số 2.18 : Sổ cái TK 642**

Công ty Cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số: S03b – DNN**  
*(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016  
của Bộ Tài chính)*

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

*Đơn vị tính : VND*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	..	....	...	....	....
<b>05/09</b>	<b>HD63276 PC487</b>	<b>05/09</b>	<b>Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 08/2018</b>	<b>111</b>	<b>1.548.214</b>	
10/09	NVK058	10/09	Thanh toán tiền lương T8/2018 cho nhân viên	334	30.007.917	
...	...	...	....	...	...	...
<b>13/09</b>	<b>HD13653 PC493</b>	<b>13/09</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>6.480.000</b>	
14/09	HD01548 PC494	14/09	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	2.154.000	
..	...	...	....	...	....	....
31/12/1 8	PKT82	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911		1.927.456.500
			<b><u>Công phát sinh trong năm</u></b>		<b><u>1.927.456.500</u></b>	<b><u>1.927.456.500</u></b>
			<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty CP Việt)*

**2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt.**

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lợi nhuận hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác : cục thuế, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của công ty cổ phần Việt bao gồm :

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính.

**2.2.5.1. Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán.

**2.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

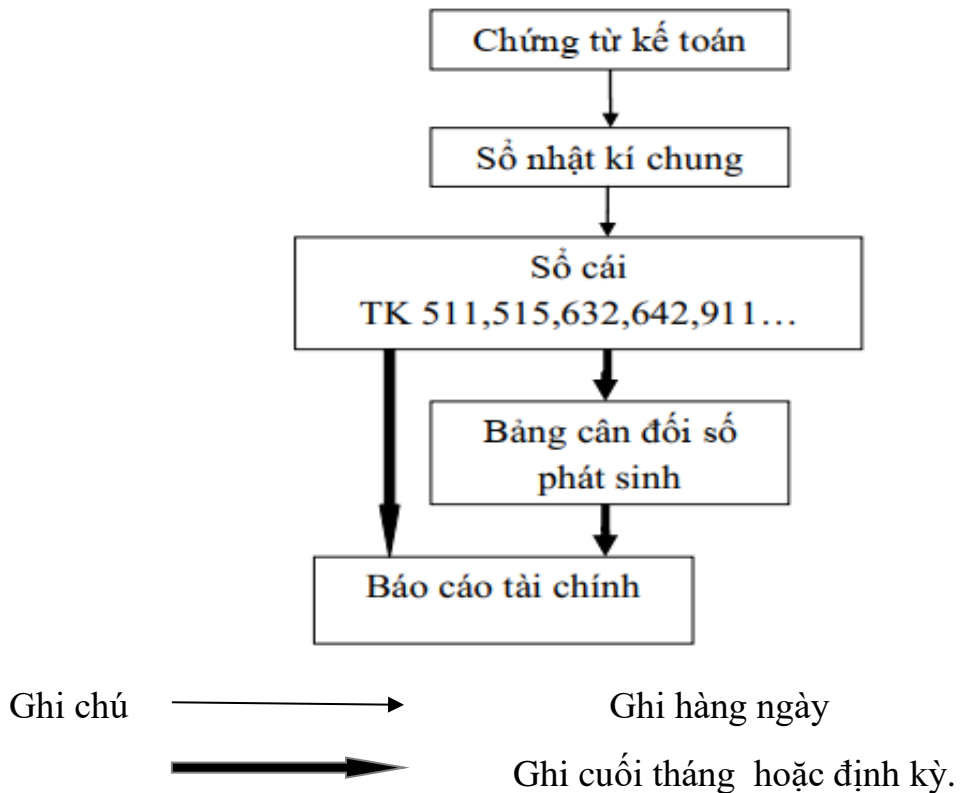
TK 911 : “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 : “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

TK 421 : “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**2.2.5.3. Sổ sách sử dụng.**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 421, 511, 515, 632, 642, 821.



**Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán kết quả kinh doanh xác định k tại công ty cổ phần Việt.**

Trình tự hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản : TK 911, 821, 421 .Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Ví dụ 6 :** Ngày 31/12/2018 : các bút toán kết chuyển cuối năm 2018 và xác định kết quả kinh doanh

**Biểu số 2.19:** Phiếu kế toán 00120 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt).

Công ty cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.  
MST : 0201039783

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 120

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	14.568.775.120
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	14.587.235
	Cộng			<b>14.583.362.355</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.20:** Phiếu kế toán 00121 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt)

Công ty cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.  
MST : 02011039783

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 121

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	12.578.694.578
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.927.456.500
	<b>Cộng</b>			<b>14.506.151.078</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)



**Biểu số 2.21:** Phiếu kế toán 00122 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt*).

Công ty cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.  
MST : 02011039783

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 122

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	15.442.255
	Cộng			<b>15.442.255</b>

**Người lập**  
( *Ký, họ tên* )

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
**Kế toán trưởng**  
( *Ký, họ tên* )

**Biểu số 2.22:** Phiếu kế toán 00123 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt*).

Công ty cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.  
MST : 02011039783

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 123

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	911	821	15.442.255
	Cộng			<b>15.442.255</b>

**Người lập**  
( *Ký, họ tên* )

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
**Kế toán trưởng**  
( *Ký, họ tên* )

**Biểu số 2.23:** Phiếu kế toán 00124 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt*).

Công ty cổ phần Việt  
 Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.  
 MST : 02011039783

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 124

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	61.769.022
	<b>Cộng</b>			<b>61.769.022</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Người lập**  
*( Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*( Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.24** : Sổ nhật ký chung ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần Việt*).

Công ty Cổ phần Việt

Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><u>SD ĐK</u></b>				
.....	.....	.....	.....	.....	...	.....
<b>PKT120</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>511 515</b>	<b>911</b>	<b>14.568.775.120 14.587.235</b>	<b>14.583.362.355</b>
<b>PKT121</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn bán hàng, CPQLDN</b>	<b>911</b>	<b>632 642</b>	<b>14.506.151.078</b>	<b>12.578.694.578 1.927.456.500</b>
<b>PKT122</b>	<b>31/12</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>821</b>	<b>3334</b>	<b>15.442.255</b>	<b>15.442.255</b>
<b>PKT123</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp</b>	<b>911 821</b>		<b>15.442.255</b>	<b>15.442.255</b>
<b>PKT124</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>911 421</b>		<b>61.769.022</b>	<b>61.769.022</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>122.404.406.990</b>	<b>122.404.406.990</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.25 : Số cái tài khoản 911**

Công ty Cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số: S03b – DNN**  
*(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)*

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		14.568.694.578
31/12	PKT138	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		14.587.235
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	12.578.694.578	
31/12	PKT139	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	1.927.456.500	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	15.442.255	
31/12	PKT142	31/12	Kết chuyển lãi	421	61.769.022	
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<u>14.583.362.355</u>	<u>14.583.362.355</u>
			<u>Công lũy kể từ đầu năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.26 : Sổ cái 821**

Công ty Cổ phần Việt

**Mẫu số: S03b – DNN**

Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,

*(Ban hành theo Thông tư số*

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

*133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của*

*Bộ Tài chính)*

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT140	31/12	Chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	15.442.255	
31/12	PKT141	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911		15.442.255
			<u>Công số phát sinh</u>		<u>15.442.255</u>	<u>15.442.255</u>
			<u>Công lũy kể từ đầu năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.27** : Trích sổ cái 421 ( *Nguồn : Phòng kế toán công ty CP Việt* )

Công ty Cổ phần Việt  
Số 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**Mẫu số: S03b – DNN**  
(*Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính*)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2018**

**Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>131.767.902</u>
...	...	..	...	...	....	...
31/12	PKT142	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		61.769.022
			<u>Công số phát sinh</u>		<u>127.555.870</u>	<u>61.769.022</u>
			<u>Công lũy kể từ đầu năm</u>			65.981.054

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**Kế toán trưởng**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**Giám đốc**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**Biểu số 2.28** : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Đơn vị** : Công ty cổ phần Việt

**Mẫu số** : B02 -DN

**Địa chỉ** : Số 84 Tam Bạc, P.Phạm

(Ban hành theo Thông tư số

Hồng Thái, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng.

200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của

MST : 0201039783

BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.568.775.120	11.955.678.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		14.568.775.120	11.955.678.124
4.Giá vốn hàng bán	11		12.578.694.578	10.053.867.356
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.</b>	<b>20</b>		1.990.080.542	1.901.810.768
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.587.235	46.450
7.Chi phí tài chính	22		0	0
-Trong đó : Chi phí lãi vay.	23			
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.927.456.500	1.713.878.940
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+21-22-24}</b>	<b>30</b>		77.211.277	187.978.278
10.Thu nhập khác	31			
11.Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác	<b>40</b>			
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		77.211.277	187.978.278
14. Chi phí thuế TNDN	51		15.442.255	15.442.255
<b>15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		61.769.022	150.382.622

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT.****3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt.****3.1.1 Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành quan trọng trong công tác kế toán của mỗi công ty.

Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận và thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho các ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Qua thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau đây :

❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán :

Bộ máy tổ chức kế toán của công ty gọn nhẹ là phù hợp yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi kế toán viên sẽ phụ trách một mảng riêng được giao nhưng vẫn đảm bảo công việc phối hợp ăn ý, chặt chẽ, tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi kế toán viên đồng thời phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán của kế toán.

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty chăm chỉ, năng động, ham học hỏi, có trình độ đặc biệt là bộ máy lãnh đạo, luôn quan tâm đến các cá nhân trong công ty.

Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu sổ sách, số liệu kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.

❖ Về việc hệ thống sổ sách, chứng từ

Công ty áp dụng hình thức kế toán : Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán phổ biến và giản đơn trong việc quản lý nhưng lại phù hợp với mô hình của công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình : Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.

- ❖ Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

**Đối với hạch toán doanh thu** : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

**Đối với hạch toán chi phí** : Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời phát sinh.

**Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh** : Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời.

### **3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt.**

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty cổ phần Việt vẫn còn những tồn tại một số hạn chế.

- ❖ Về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn bán hàng :

Hiện tại về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn bán hàng, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái 632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, hàng hóa.. Điều này sẽ làm cho ban giám đốc dễ bị nhầm lẫn, và gây khó khăn khi đưa ra việc định hướng các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do công ty bên cung cấp, nhằm tối đa hóa lợi nhuận...

- ❖ Về việc áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty cổ phần Việt cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi ( Chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán và cung cấp dịch vụ.

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán :

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây sai sót, nhầm lẫn, không hiệu quả...chính vì thế mà báo cáo tài chính của công ty đôi khi vẫn chậm trễ về thời gian thậm chí khó tránh khỏi sai sót khi phát hiện ra.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt.**

#### **3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn bán hàng.**

Hiện tại, công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh buôn bán các thiết bị kim khí, phụ tùng máy móc, các thiết bị công nghiệp...Vì vậy công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632 là : Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hóa, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ cân đối, mở rộng đầu tư cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết gồm sổ chi tiết doanh thu và sổ chi tiết giá vốn hàng bán :

**Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết bán hàng.**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Việt

**Địa chỉ:** 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Mẫu số S35-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Sản phẩm : Bộ Ôn áp Li-oa 10kVA 1 pha**

Năm 2018

*Đơn vị tính: Đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	Số hiệu	Ngày, tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	
			<b><u>Tháng 09</u></b>		....	....	.....	
01/09	HĐ0188	01/09	Bán cho Công ty TNHH TM Hoàng Tín Phát	112	15	5.580.000	83.700.000	0
10/09	HĐ220	10/09	Bán cho DNTN Mạnh Hùng	131	3	5.585.000	16.755.000	0
...	...	...	.....	...	...	....	.....	
			Cộng tháng 09				117.205.000	
			<b><u>Cộng cả năm</u></b>				<b><u>606.487.555</u></b>	

**Người lập phiếu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 3.2 : Sổ tổng hợp bán hàng**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Việt

**Địa chỉ:** 84 Tam Bạc, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG**

Năm 2018

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Tiền vốn	Doanh thu	Chiết khấu	Thuế GTGT	Tổng tiền
1	Ổn áp Li-Oa 10kva 1 pha	Bộ	103	498.176.701	606.487.555		60.648.755	667.136.310
2	Khoan Homeeasy 132 chi tiết 132 PCS (810W)	Bộ	279	235.873.000	501.548.998		50.154.899	551.703.897
3	Bơm máy chân không Shinil	Cái	154	162.316.000	300.300.000		30.030.000	330.330.000
	.....							
	<b><u>Cộng cả năm</u></b>			<b>12.578.694.578</b>	<b>14.568.775.120</b>		<b>1.456.877.512</b>	<b>16.025.652.632</b>

**Người ghi sổ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### **3.2.2 Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng.**

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi ( chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- ✓ Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty cùng ngành.
- ✓ Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại :

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 511. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì chi chiết khấu thương mại cho người mua.

Phương pháp hạch toán :

Tài khoản sử dụng : TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi :

Nợ TK 511 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Số thuế được điều chỉnh giảm

Có TK 111,112,131

**Ví dụ :** Ngày 15/09/2018, xuất bán 1500 gói Bulong ốc vít DIN 912 Thép M3 8mm, đơn giá 13.100 đ/ gói (chưa bao gồm thuế GTGT 10%) và 2000 kg thép không gỉ dạng cuộn 304 với đơn giá chưa thuế GTGT là 61.000 đ/kg cho công ty CP Long Trọng theo HĐ000200. Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi khách hàng mua với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại 5% ( tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty TNHH Phú Thanh) trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản :

+ Ghi nhận doanh thu :

Nợ TK 112 : 155.815.000

Có TK 511 : 141.650.000

Có TK 3331 : 14.165.000

+ Khoản chiết khấu thương mại

Nợ TK 511 : 7.082.500

Nợ TK 3331 : 708.250

Có TK 111 : 7.790.750





**Biểu số 3.2** : Phiếu chi 0000495 ( Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ phần Việt)

Công ty cổ phần Việt. Số 84 Tam Bạc, P.Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	<p style="text-align: right;"><b>Mẫu số: 02 - TT</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i></p>			
<p><b>PHIẾU CHI</b></p> <p>Ngày 15 tháng 09 năm 2018.</p>				
Quyền số: ...4..... Số: ... <b>495</b> ..... Nợ : 511,133 Có : 111				
Họ và tên người nhận tiền: ..... Trần Ngọc Anh Địa chỉ: Công ty cổ phần Long Trọng Lý do chi : ...Chiết khấu cho công ty CP Long Trọng..... Số tiền: ..... <b>7.790.750 đ</b> ..... (Viết bằng chữ): <b>Bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng</b> /..... Kèm theo: .....				
Ngày 05 tháng 09 năm 2018				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..... <b>Bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng</b> ...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....				
+ Số tiền quy đổi:				

### **3.2.3. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.**

Về việc áp dụng tin học vào kế toán trong điều kiện kỹ thuật điện toán đang có những bước phát triển nhanh chóng với nhiều thành tựu to lớn, việc sử dụng tin học vào lĩnh vực kế toán ngày càng được phổ biến và mang lại không ít hiệu quả. Trên thực tế công ty đã có trang thiết bị máy vi tính nhưng chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Excel làm giảm tiến độ công việc.

Bởi vậy, công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng.

Một số phần mềm kế toán phổ biến trên thị trường để công ty có thể lựa chọn như Phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán FAST, phần mềm kế toán Smart Soft...

Sau đây, em xin được giới thiệu một vài phần mềm kế toán thông dụng nhất :

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp công ty không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

Tính năng :

- Dễ dàng sử dụng
- Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất
- Sử dụng rất nhiều hình ảnh nghiệp vụ, giúp cho người sử dụng dễ dàng hình dung ra được quy trình hạch toán kế toán.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2017 gói Enterprise với đầy đủ phân hệ ( Quỹ, Thủ Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, thủ kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp....) hiện nay là : 9.000.000 đồng

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 sẽ đáp ứng mong muốn nói trên bằng giải pháp sau:

- Sửa giao diện mua hàng, bán hàng, tồn kho đầu kỳ: cho phép sửa tỷ lệ chuyển đổi, công thức tính toán của các cột: Số lượng, Số lượng theo ĐVC, Đơn giá, Đơn giá theo ĐVC

- Phân hệ Mua hàng: Đơn mua hàng, Chứng từ mua hàng, chứng từ mua hàng nhiều hóa đơn, chứng từ trả lại hàng mua

- Phân hệ Bán hàng: Báo giá, Đơn đặt hàng, Bán hàng, Hóa đơn, Hàng bán trả lại

- Phân hệ Kho: Nhập kho, Xuất kho, Chuyển kho

- Tồn kho đầu kỳ (4 phương pháp)

• Bổ sung mẫu nhiều ĐVT (mẫu giao diện nhập liệu) tại các phần sau:

- Phân hệ Mua hàng: Đơn mua hàng, Chứng từ mua hàng, chứng từ mua hàng nhiều hóa đơn, chứng từ trả lại hàng mua

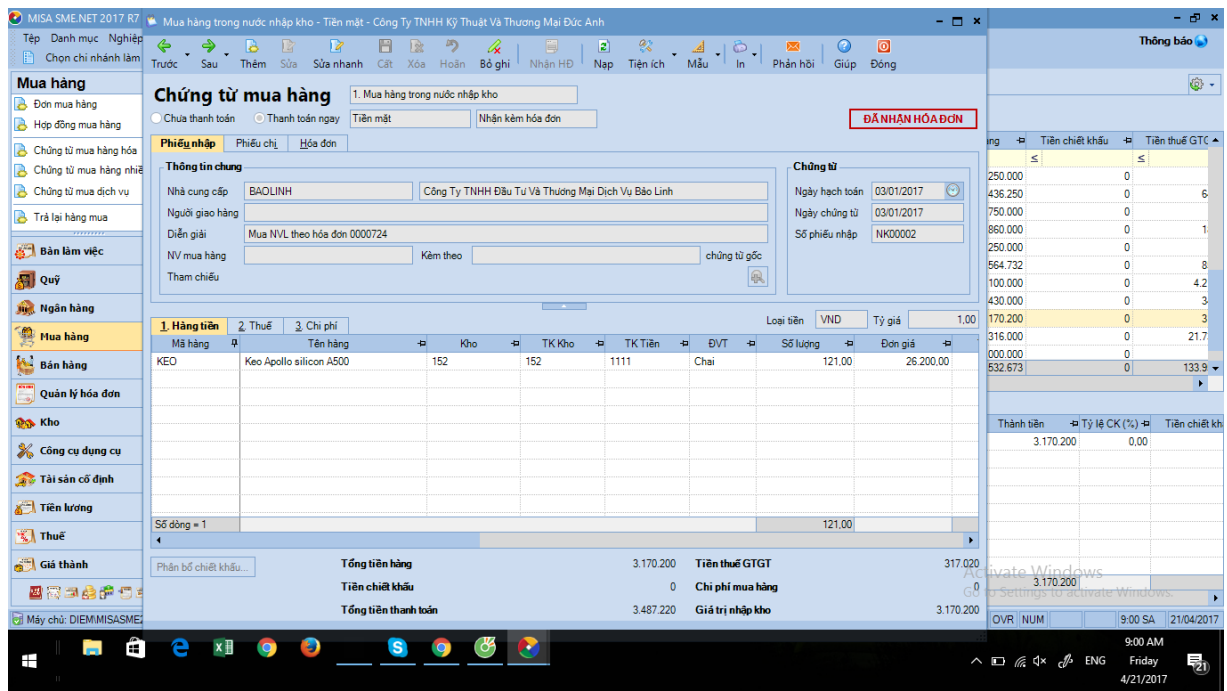
- Phân hệ Bán hàng: Báo giá, Đơn đặt hàng, Bán hàng, Hóa đơn, Hàng bán trả lại

- Phân hệ Kho: Nhập kho, Xuất kho, Chuyển kho

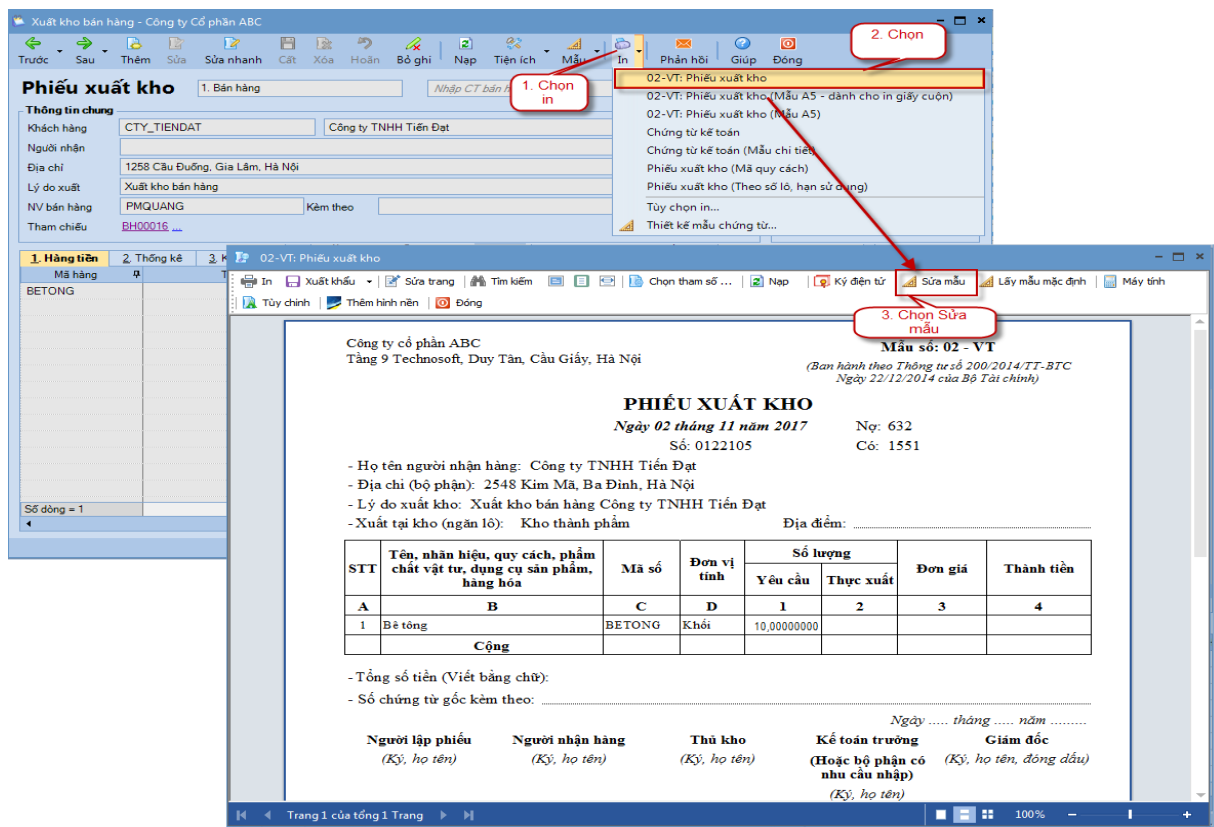
Dưới đây là một số hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2017:



**Hình 3.1 : Giao diện các phân hệ của phần mềm Misa**



Hình 3.2 : Giao diện “ Chứng từ bán hàng” của phân hệ mua hàng.



Hình 3.3 : Giao diện “Phiếu xuất kho” của phân hệ bán hàng.

Phần mềm Misa có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch

toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tin về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Phần mềm Misa tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Phần mềm trên rất phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bị cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

### **3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt.**

+ Về phía Nhà Nước :

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

+ Về phía doanh nghiệp :

Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ****1. Kết luận**

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần Việt tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt” để làm đề tài khóa luận. Đề tài đã được giải quyết 1 vấn đề sau :

✓ Về mặt lý luận : Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.

✓ Về mặt thực tiễn : Mô tả và phân tích thực công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần Việt một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 9 năm 2018 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

**2. Kiến nghị**

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt.

- ✓ Giải pháp thứ nhất : Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán.
- ✓ Giải pháp thứ hai : Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại
- ✓ Giải pháp thứ ba : Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, áp dụng vào thực tiễn kế toán đã được tiếp cận tại công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt,

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Th.s Lê Thị Nam Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty cổ phần Việt đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này!

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán (thông tư số 133/2016/TT-BTC)*., Nhà xuất bản tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài Chính
4. Tài liệu phòng kế toán Công ty cổ phần Việt ( năm 2018)
5. Tài liệu tham khảo tại các thư viện và website.